

Số: 353/QĐ-ĐHPY

Phú Yên, ngày 08 tháng 9 năm 2021

## QUYẾT ĐỊNH

### **Ban hành Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh trình độ đại học, hệ chính quy, khóa tuyển sinh 2021**

#### **HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN**

*Căn cứ Luật Giáo dục Đại học số 42/VBHN-VPQH, ngày 10 tháng 12 năm 2018;*

*Căn cứ Quyết định số 112/QĐ-TTg, ngày 24 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Phú Yên;*

*Căn cứ Quyết định số 751/QĐ-UBND, ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên về việc phân công phụ trách Trường Đại học Phú Yên;*

*Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT, ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;*

*Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT, ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;*

*Căn cứ Quyết định số 276/QĐ-ĐHPY, ngày 05 tháng 7 năm 2021 ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Phú Yên;*

*Căn cứ Quyết định số 335/QĐ-ĐHPY ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Phú Yên;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo và Trưởng khoa Khoa Ngoại ngữ Trường Đại học Phú Yên.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo ngành **Ngôn ngữ Anh (mã số 7220201)** trình độ đại học hệ chính quy, khóa tuyển sinh 2021.

**Điều 2.** Căn cứ chương trình này, các khoa, bộ môn có trách nhiệm tổ chức cho giảng viên xây dựng *Đề cương chi tiết học phần* để sử dụng chính thức trong giảng dạy. Chương trình này được công bố công khai cho sinh viên thuộc ngành đào tạo biết khi bắt đầu khóa học.

**Điều 3.** Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng khoa Khoa Ngoại ngữ, các phòng, khoa, bộ môn có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Lưu ĐT, VT.



**TS. Nguyễn Định**



## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 353 /QĐ-ĐHPY ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên)

**Tên chương trình: NGÔN NGỮ ANH (English Linguistics)**

**Trình độ đào tạo: ĐẠI HỌC**

**Ngành đào tạo: NGÔN NGỮ ANH (English Linguistics)**

**Mã số: 7220201.**

**Loại hình đào tạo: HỆ CHÍNH QUY**

**Loại bằng: CỬ NHÂN**

**Khoa quản lý: KHOA NGOẠI NGỮ**

**Website: [www.pyu.edu.vn](http://www.pyu.edu.vn)**

### 1. Giới thiệu chung

- Triết lý giáo dục của Trường Đại học Phú Yên: “**Chất lượng – Hiệu quả - Sáng tạo – Vì cộng đồng**”.

- Về chương trình của ngành đào tạo: **Chất lượng – Hiệu quả – Hội nhập.**

- Chương trình giáo dục đại học Ngôn ngữ Anh, đào tạo cử nhân Ngôn ngữ Anh có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, có sức khỏe để có thể làm việc hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn có sử dụng Tiếng Anh, đáp ứng nhu cầu kinh tế - xã hội trong thời kỳ hội nhập quốc tế.

### 2. Mục tiêu đào tạo

#### 2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh, nhằm đào tạo cử nhân Ngôn ngữ Anh có đầy đủ phẩm chất chính trị và đạo đức nghề nghiệp, có tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, có khả năng giải quyết tốt các công việc thuộc ngành nghề chuyên môn có sử dụng Tiếng Anh, sử dụng thành thạo và linh hoạt các kỹ năng ngôn ngữ, có kỹ năng biên phiên dịch Anh-Việt, Việt-Anh đáp ứng yêu cầu của xã hội và của nền kinh tế trong thời kỳ hội nhập quốc tế, có năng lực nghiên cứu khoa học, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành Ngôn ngữ Anh.

#### 2.2. Mục tiêu cụ thể

##### 2.2.1. Về kiến thức

- PO1: Có kiến thức về hệ thống ngôn ngữ, kỹ năng ngôn ngữ Tiếng Anh; về văn hóa, văn học của các nước nói Tiếng Anh có đối sánh với văn hóa, văn học Việt Nam để thể hiện năng lực chuyên môn và giải quyết các vấn đề liên quan trong công việc.

- PO2: Hiểu và vận dụng kiến thức và kỹ thuật biên phiên dịch Anh-Việt, Việt-Anh để thực hiện công tác biên phiên dịch trong các lĩnh vực: Dịch vụ Du lịch-Lữ hành, Dịch vụ Nhà hàng-Khách sạn, Tiếp thị, Thương mại, Quảng cáo, và một số lĩnh vực khác.

- PO3: Có kiến thức tổng quan về Tiếng Việt, các văn bản Tiếng Việt; kiến thức về



văn hóa, văn học Việt Nam.

- PO4: Có kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin phục vụ cho nghề nghiệp; yêu cầu và năng lực cần đạt được đối với người làm công tác chuyên môn có sử dụng Tiếng Anh.

### **2.2.2. Về kỹ năng**

- PO5: Giao tiếp tiếng Anh lưu loát, chính xác dựa trên hệ thống kiến thức, ngôn ngữ Tiếng Anh; kết hợp linh hoạt ngôn ngữ với văn hóa, văn học Việt Nam và của các nước sử dụng tiếng Anh.

- PO6: Thực hiện hoạt động biên phiên dịch chuyên nghiệp, khoa học, linh hoạt và hiệu quả đáp ứng yêu cầu của công việc.

- PO7: Sử dụng thành thạo các phương tiện và công nghệ hiện đại để phục vụ cho công tác chuyên môn có sử dụng Tiếng Anh.

- PO8: Vận dụng các kỹ năng mềm như: kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng thương lượng, kỹ năng thuyết trình để tổ chức và thực hiện các hoạt động chuyên môn có sử dụng Tiếng Anh.

### **2.2.3. Về thái độ**

- PO9: Thể hiện đạo đức, lối sống chuẩn mực; ý thức tự học, tự nghiên cứu để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; ý thức trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật. Thể hiện đạo đức nghề nghiệp, trung thực trong việc chuyển tải thông tin, đảm bảo bí mật thông tin của khách hàng trong công việc có sử dụng Tiếng Anh.

- PO10: Yêu nghề, tận tâm với nghề nghiệp và nhiệm vụ được giao.

### **2.2.4. Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

- Vận dụng linh hoạt và hiệu quả chuyên môn và nghiệp vụ được đào tạo, có sáng kiến trong quá trình thực hiện công việc; định hướng và thích nghi với nhiều môi trường làm việc; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

- Tổ chức, lên kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể, tự chủ và chịu trách nhiệm trong lĩnh vực chuyên môn.

### **2.2.5. Vị trí việc làm sau tốt nghiệp**

- Đảm nhận được công việc tại các sở ban ngành, các cơ quan nhà nước và các tổ chức trong và ngoài nước liên quan đến việc sử dụng Tiếng Anh

- Đảm nhận công việc tại các cơ quan nghiên cứu ngôn ngữ, văn hóa trong và ngoài nước

- Đảm nhận công tác biên phiên dịch cho các tổ chức, đơn vị, đoàn thể có liên quan công việc giao tiếp quốc tế, đối ngoại.

- Tham gia giảng dạy nếu được bồi dưỡng NVSP theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Có thể tự tạo các việc làm có sử dụng Tiếng Anh.

### **2.2.6. Khả năng học tập nâng cao**

- Tự học tập, bồi dưỡng để phát triển kiến thức về kỹ năng nghề nghiệp theo yêu cầu của vị trí công tác.

- Học tập ở các trình độ cao hơn.

## **3. Chuẩn đầu ra**

Theo Quyết định số 277/QĐ-ĐHPY ngày 12 tháng 7 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên về việc ban hành chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo trình độ đại học, cao đẳng hệ chính quy, khóa tuyển sinh năm 2021.



**3.1. Chuẩn đầu ra chung - PLO0:** (theo Quyết định số 277/QĐ-ĐHPY ngày 12 tháng 7 năm 2021).

**3.2. Về kiến thức**

- PLO1: Vận dụng kiến thức về hệ thống ngôn ngữ, kỹ năng ngôn ngữ Tiếng Anh và Tiếng Việt trong các lĩnh vực chuyên môn có sử dụng Tiếng Anh.

- PLO2: Phân tích ngôn ngữ Tiếng Anh, có so sánh, đối chiếu với văn hóa, văn học các nước nói Tiếng Anh.

- PLO3: Áp dụng được kiến thức về biên phiên dịch để biên phiên dịch Anh - Việt, Việt - Anh trong điều kiện khác nhau.

**3.3. Về kỹ năng**

- PLO4: Thực hiện thành thạo các kỹ năng ngôn ngữ Tiếng Anh bậc 5/6 và Tiếng Pháp bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- PLO5: Thực hiện chính xác các kỹ năng ghi nhớ, ghi chép, soạn thảo văn bản bằng Tiếng Anh, Tiếng Việt thuộc lĩnh vực chuyên ngành ngôn ngữ Anh.

- PLO6: Phối hợp xử lý linh hoạt các tình huống trong lĩnh vực chuyên môn có sử dụng Tiếng Anh.

- PLO7: Đánh giá chính xác kết quả và chất lượng công việc trong lĩnh vực chuyên môn có sử dụng Tiếng Anh

- PLO8: Thao tác được các yêu cầu về biên phiên dịch Anh - Việt, Việt - Anh để khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.

- PLO9: Thao tác được phương tiện kỹ thuật hiện đại phục vụ hoạt động chuyên môn có sử dụng Tiếng Anh.

**3.4. Về thái độ**

- PLO10: Chấp hành qui định về tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp khi làm việc trong mọi lĩnh vực chuyên môn có sử dụng Tiếng Anh.

- PLO11: Bảo vệ bí mật thông tin khách hàng trong vận hành chuyên môn có sử dụng Tiếng Anh.

**3.5. Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

- Tự tin, chủ động thực hiện và hoàn thành công việc có sử dụng Tiếng Anh trong mọi hoàn cảnh.

- Hướng dẫn, giám sát những người khác trong nhóm thực hiện các hoạt động chuyên môn có sử dụng Tiếng Anh.

- Tự định hướng, lựa chọn được loại hình ngôn ngữ để thực hiện tốt mọi công việc có sử dụng Tiếng Anh.

- Lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và đưa ra các giải pháp nâng cao hiệu quả các hoạt động chuyên môn có sử dụng Tiếng Anh.

**Bảng 3.1: Quan hệ đáp ứng giữa chuẩn đầu ra với mục tiêu của CTĐT.**

Mục tiêu POs	Chuẩn đầu ra PLOs										
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
PO1	x	x	x	x	x	x					
PO2	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x
PO3	x	x	x		x		x		x		
PO4		x	x	x	x		x		x		
PO5	x	x	x	x	x				x		

PO6	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
PO7			x		x		x		x	x	
PO8		x						x		x	
PO9									x	x	
PO10	x		x		x	x	x	x	x	x	

**4. Đối tượng tuyển sinh:** Thí sinh tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương. Các quy định khác theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**5. Khối lượng kiến thức toàn khóa:**

Tổng số tín chỉ toàn khóa là 125 tín chỉ bao gồm các học phần bắt buộc và học phần tự chọn (*chưa kể Giáo dục thể chất 4 tín chỉ và Giáo dục quốc phòng – an ninh 8 tín chỉ*).

STT	Cấu trúc kiến thức của chương trình	Tín chỉ	Tín chỉ bắt buộc	Tín chỉ tự chọn
1	<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b> ( <i>chưa kể Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng-an ninh</i> )	30	28	2
2	<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	95	69	26
2.1	Kiến thức cơ sở ngành	59	49	10
2.2	Kiến thức Biên phiên dịch	20	11	9
2.3	Thực tập, thực tế	9	9	0
2.4	Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế	7	0	7
<b>Tổng cộng</b>		<b>125</b>	<b>107</b>	<b>28</b>

**6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**

Thực hiện theo Quyết định số 335/QĐ-ĐHPY ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Phú Yên.

**Bảng 6.1: Mô tả sự chuyển tải triết lý giáo dục vào CTĐT**

Chương trình đào tạo: NGÔN NGỮ ANH		Triết lý giáo dục			
		Chất lượng	Hiệu quả	Sáng tạo	Vì cộng đồng
<b>Khối kiến thức trong chương trình đào tạo</b>	Khối kiến thức đại cương	x	x		
	Khối kiến thức cơ sở ngành	x	x		
	Khối kiến thức Biên phiên dịch	x	x	x	x
	Thực tập tốt nghiệp		x		x
	Luận văn tốt nghiệp/Học phần thay thế	x	x	x	x
<b>Hoạt động ngoại khóa</b>	Nghiên cứu khoa học sinh viên		x	x	
	Thi nghiệp vụ/thực hành nghề nghiệp		x		
	Các hoạt động cập nhật từ các phong trào Đoàn Khoa, Đoàn trường				
	- Câu lạc bộ Tiếng Anh định kỳ - Cuộc thi hùng biện Tiếng Anh - Lễ hội Halloween - Rung chuông vàng	x	x	x	x



	- Sinh viên thanh lịch - Chiến dịch mùa hè xanh - Hoạt động từ thiện, ...				
<b>Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo</b>	PLO1		X		
	PLO2	X	X	X	
	PLO3	X	X	X	X
	PLO4	X	X		X
	PLO5	X	X	X	X
	PLO6	X	X	X	X
	PLO7	X	X		
	PLO8	X	X	X	X
	PLO9	X	X	X	X
	PLO10	X	X		X
	PLO11	X	X		X

## 7. Phương pháp dạy học

Bảng 7.1. Mối liên hệ giữa CDR (PLOs) và phương pháp dạy học

Phương pháp dạy học	Chuẩn đầu ra PLOs										
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
PP thuyết trình	x	x	x		x	x		x	x		
PP tham luận	x		x			x					
PP seminar/thảo luận		x	x	x		x					
PP giải quyết vấn đề		x	x	x	x	x	x	x			
PP nghiên cứu tình huống			x	x	x	x		x		x	x
PP nghiên cứu khoa học (viết tiểu luận/bài tập lớn)	x	x	x			x	x				
PP học nhóm+tự học	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x
Thực tập-thực tế			x	x		x	x	x		x	x

## 8. Phương pháp đánh giá

Đánh giá kết quả học tập của sinh viên là quá trình theo dõi ghi chép, lưu giữ và cung cấp thông tin về sự tiến bộ của người học trong suốt quá trình dạy học đảm bảo nguyên tắc rõ ràng, chính xác, khách quan và phân hóa, thường xuyên liên tục và định kỳ.

Các phương pháp đánh giá được sử dụng trong chương trình đào tạo được chia thành 2 nhóm chính là đánh giá theo tiến trình (On-going/Formative Assessment) và đánh giá tổng kết/định kỳ (Summative Assessment).

**8.1. Đánh giá theo tiến trình:** Các phương pháp đánh giá cụ thể gồm: *Chuyên cần, Bài tập, Thuyết trình, .....*

**8.2. Đánh giá tổng kết/định kỳ:** Các phương pháp đánh giá cụ thể gồm: *Kiểm tra viết, Kiểm tra trắc nghiệm, Thi vấn đáp, Báo cáo, Thuyết trình, Đánh giá làm việc nhóm, .....*

Bảng 8.1. Quan hệ giữa các phương pháp đánh giá với Chuẩn đầu ra (PLOs) của chương trình đào tạo

Phương pháp đánh giá (Assessment methods)		PLOs											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
<b>I</b>	<b>Đánh giá tiến trình</b>												
1	Đánh giá chuyên cần	x	x	x	x	x	x	x	x	x			
2	Đánh giá bài tập	x	x	x	x	x	x	x	x	x			
3	Đánh giá thuyết trình	x	x	x	x	x	x	x	x	x			
4	Báo cáo, tiểu luận	x	x	x			x	x			x	x	
<b>II</b>	<b>Đánh giá tổng kết/định kỳ</b>												
5	Kiểm tra/thi viết	x	x	x	x	x	x	x	x	x			
6	Kiểm tra/thi trắc nghiệm		x	x		x	x	x	x				
7	Kiểm tra/ thi vấn đáp		x	x		x	x	x	x				
8	Báo cáo, tiểu luận			x	x		x	x					
9	Đánh giá thuyết trình	x	x	x	x	x	x	x	x				
10	Đánh giá làm việc nhóm	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	

## 9. Nội dung chương trình

Bảng 9.1: Nội dung chương trình đào tạo

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết				Điều kiện tiên quyết (Theo số Thứ tự HP)
				LT	BT/TH	TH/TT	Tự học (nếu có)	
<b>9.1.</b>	<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>		<b>30</b>	<b>299</b>	<b>131</b>	<b>40</b>	<b>0</b>	
<b>9.1.1</b>	<b>Lý luận chính trị</b>		<b>11</b>	<b>114</b>	<b>51</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
1	LC111013	Triết học Mác – Lênin	3	30	15	0	0	
2	LC112112	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	20	10	0	0	1
3	LC113112	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	20	10	0	0	2
4	LC124112	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	22	8	0	0	3
5	LC120012	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	22	8	0	0	4
<b>9.1.2</b>	<b>Khoa học xã hội-nhân văn</b>		<b>8</b>	<b>80</b>	<b>40</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
	<b>- Bắt buộc:</b>		<b>6</b>	<b>60</b>	<b>30</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
6	LC130012	Pháp luật đại cương	2	15	15	0	0	1
7	NG113562	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30	0	0	0	
8	KT120612	Khởi nghiệp	2	15	15	0	0	
	<b>- Tự chọn: (Chọn 2/4 TC)</b>		<b>2</b>	<b>20</b>	<b>10</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
9	XH113032	Tiếng Việt thực hành	2	20	10	0	0	
10	XH140012	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	20	10	0	0	
<b>9.1.3</b>	<b>Ngoại ngữ</b>		<b>8</b>	<b>80</b>	<b>40</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
11	NG113813	Tiếng Pháp 1	3	30	15	0	0	
12	NG113823	Tiếng Pháp 2	3	30	15	0	0	11
13	NG113812	Tiếng Pháp 3	2	20	10	0	0	12
<b>9.1.4</b>	<b>Khoa học công nghệ</b>		<b>3</b>	<b>25</b>	<b>0</b>	<b>40</b>	<b>0</b>	
14	KC100053	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	3	25	0	40	0	
<b>9.1.5</b>	<b>Giáo dục thể chất</b>		<b>4</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>90</b>	<b>0</b>	



15	TC120011	Giáo dục Thể chất 1 (Thể dục)	1	0	0	30	0		
16	TC121011	Giáo dục Thể chất 2 (Điền kinh)	1	0	0	30	0	15	
17	TC122001	Giáo dục Thể chất 3 (Thể thao tự chọn cơ bản)	1	0	0	30	0	16	
18	TC123001	Giáo dục Thể chất 4 (Thể thao tự chọn nâng cao)	1	0	0	30	0	17	
<b>9.1.6 Giáo dục Quốc phòng-an ninh</b>									
19	TC160018	Giáo dục quốc phòng-an ninh	8	8 tín chỉ = 165 tiết					
<b>9.2</b>	<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>		<b>95</b>	<b>910</b>	<b>410</b>	<b>40 + 405</b>	<b>0</b>		
<b>9.2.1</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>		<b>59</b>	<b>630</b>	<b>290</b>	<b>10</b>	<b>0</b>		
<b>9.2.1.1</b>	<b>Kiến thức Hệ thống ngôn ngữ và Văn hóa-Văn học</b>		<b>20</b>	<b>240</b>	<b>100</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
	<b>- Bắt buộc:</b>		<b>10</b>	<b>140</b>	<b>50</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
20	NG111012	Luyện âm	2	20	10	0	0		
21	NG111022	Ngữ âm-Âm vị học	2	20	10	0	0	20	
22	NG111212	Ngữ pháp 1	2	20	10	0	0		
23	NG111222	Ngữ pháp 2	2	20	10	0	0	22	
24	NG111052	Ngữ nghĩa học	2	20	10	0	0	23	
	<b>- Tự chọn: 10/20 tín chỉ</b>		<b>10</b>	<b>100</b>	<b>50</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
25	NG112172	Từ vựng học	2	20	10	0	0	23	
26	NG111062	Cú pháp học	2	20	10	0	0	23	
27	NG112162	Ngôn ngữ học đối chiếu	2	20	10	0	0	24	
28	NG111112	Ngôn ngữ học xã hội	2	20	10	0	0	24	
29	NG112182	Văn hóa của các nước nói Tiếng Anh	2	20	10	0	0		
30	NG112152	Giao thoa văn hóa	2	20	10	0	0		
31	NG112132	Đất nước học Anh	2	20	10	0	0		
32	NG112142	Đất nước học Mỹ	2	20	10	0	0		
33	NG112242	Văn học Anh	2	20	10	0	0		
34	NG112122	Văn học Mỹ	2	20	10	0	0		
<b>9.2.1.2</b>	<b>Kiến thức kỹ năng ngôn ngữ</b>		<b>39</b>	<b>390</b>	<b>190</b>	<b>10</b>	<b>0</b>		
35	NG113693	Nghe 1	3	30	15	0	0		
36	NG113703	Nói 1	3	30	15	0	0		
37	NG113713	Đọc 1	3	30	15	0	0		
38	NG113723	Viết 1	3	30	15	0	0		
39	NG113733	Nghe 2	3	30	15	0	0	35	
40	NG113743	Nói 2	3	30	15	0	0	36	
41	NG113753	Đọc 2	3	30	15	0	0	37	
42	NG113763	Viết 2	3	30	15	0	0	38	
43	NG113773	Nghe 3	3	30	15	0	0	39	
44	NG113783	Nói 3	3	30	15	0	0	40	
45	NG113793	Đọc 3	3	30	15	0	0	41	
46	NG113803	Viết 3	3	30	15	0	0	42	
47	NG113333	Tiếng Anh Tổng hợp C1.1	3	30	10	10	0	43, 44, 45, 46	
<b>9.2.2</b>	<b>Kiến thức Biên phiên dịch</b>		<b>20</b>	<b>200</b>	<b>85</b>	<b>30</b>	<b>0</b>		
	<b>- Bắt buộc:</b>		<b>11</b>	<b>110</b>	<b>55</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
48	NG113692	Lý thuyết dịch	2	20	10	0	0		

49	NG113663	Kỹ thuật dịch	3	30	15	0	0	48
50	NG113673	Kỹ năng biên dịch	3	30	15	0	0	49
51	NG113683	Kỹ năng phiên dịch	3	30	15	0	0	50
<b>- Tự chọn: chọn 9/18 tín chỉ</b>			<b>9</b>	<b>90</b>	<b>30</b>	<b>30</b>	<b>0</b>	
52	NG113573	Biên phiên dịch Tiếng Anh Dịch vụ Du lịch và Lữ hành	3	30	10	10	0	
53	NG113583	Biên phiên dịch Tiếng Anh Văn hóa- Du lịch	3	30	10	10	0	
54	NG113593	Biên phiên dịch Tiếng Anh Giao tiếp xã hội	3	30	10	10	0	
55	NG113613	Biên phiên dịch Tiếng Anh Chăm sóc khách hàng	3	30	10	10	0	
56	NG113653	Biên phiên dịch Tiếng Anh Thực phẩm	3	30	10	10	0	
57	NG113633	Biên phiên dịch Tiếng Anh Thương mại	3	30	10	10	0	
<b>9.2.3</b>	<b>Thực tập –Thực tế</b>		<b>9</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>405 giờ</b>	<b>0</b>	
58	NG113802	Thực hành kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm Biên phiên dịch	2	0	0	90 giờ	0	
59	DT100017	Thực tập tốt nghiệp (10 tuần)	7	0	0	315 giờ	0	51
<b>9.2.4</b>	<b>Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế</b>		<b>7</b>					
<b>9.2.4.1</b>	<b>Khóa luận tốt nghiệp</b>		<b>7</b>					
<b>9.2.4.2</b>	<b>Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</b>		<b>7</b>					
<b>- Tự chọn: chọn 7/14 tín chỉ</b>			<b>7</b>	<b>70</b>	<b>35</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
60	NG111103	Phân tích diễn ngôn	3	30	15	0	0	24
61	NG111083	Ngữ dụng học	3	30	15	0	0	24
62	NG113682	Kỹ năng phỏng vấn cho các vị trí biên phiên dịch	2	20	10	0	0	
63	NG113402	Kỹ năng thuyết trình	2	20	10	0	0	
64	NG113662	Biên phiên dịch Tiếng Anh Hội nghị	2	20	10	0	0	
65	NG113672	Biên phiên dịch Tiếng Anh Báo chí	2	20	10	0	0	
<b>Tổng cộng</b>			<b>125</b>	<b>1199</b>	<b>541</b>	<b>80 + 405 giờ</b>	<b>0</b>	

*Ghi chú: Điều kiện tiên quyết thực hiện theo quy định của Trường Đại học Phú Yên.*



**Bảng 9.2: Mô tả liên hệ giữa các học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

*I (Introduced) – HPs hỗ trợ đạt được PLOs ở mức giới thiệu/bắt đầu.*

*R (Reinforced) – HPs hỗ trợ đạt được PLOs ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội thực hành, thí nghiệm, thực tế ....*

*M (Mastery) – HPs hỗ trợ đạt được PLOs ở mức thuần thục.*

*A (Assessed) – HP quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được các PLO)*

Học phần	Chuẩn đầu ra PLOs										
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
HP 1	I			R						R	R
HP 2	I			R						R	R
HP 3	I			R						R	R
HP 4	I										
HP 5	I	R			R						
HP 6	I		R	M		R	R				
HP 7	I		R	M		R	R				
HP 8	I			R		R		R	R	R	R
HP 9	I	R			R				R		
HP 10	R	R			R						R
HP 11		R			M						M
HP 12		R			M						M
HP 13		R			M						M
HP 14	I					R					
HP 15											Có chuẩn chung của nhà trường cho các CTĐT
HP 16											
HP 17											
HP 18											
HP 19											
HP 20	I	M			M		M				M
HP 21	I	M			M		M				M
HP 22	I	M			M		M				M
HP 23	I	M			M		M				M
HP 24	I	M			M		M				M
HP 25	R	M			M		M				M
HP 26	R	M			M		M				M
HP 27	R	M			M		M				M
HP 28	R	M			M		M				M
HP 29	R	M			M		M				M
HP 30	I	R			M		R				M
HP 31	I	R			M		R				M
HP 32	I	R			M		R				M
HP 33	I	R			M		R				M
HP 34	I	R			M		R				M
HP 35	I	R			M		R				M
HP 36	R	M			M	M	M			M	M

HP 37	R	M			M	M	M			M	M
HP 38	R	M			M	M	M			M	M
HP 39	R	M			M	M	M			M	M
HP 40	R	M			M	M	M			M	M
HP 41	R	M			M	M	M			M	M
HP 42	R	M			M	M	M			M	M
HP 43	R	M			M	M	M			M	M
HP 44	R	M			M	M	M			M	M
HP 45	R	M			M	M	M			M	M
HP 46	R	M			M	M	M			M	M
HP 47	R	M			M	M	M			M	M
HP 48	R	M			M	M	M			M	M
HP 49	R	M			M	M	M			R	M
HP 50	R	M			M	M	M			M	M
HP 51	R	M			M	M	M			M	M
HP 52	I		R	R		M	M	M	M	M	M
HP 53	I		R	R		M	M	M	M	M	M
HP 54	I		R	R		M	M	M	M	M	M
HP 55	I		R	R		M	M	M	M	M	M
HP 56	I		R	R		M		M	M	M	M
HP 57	I		R	R		M	M	M	M	M	M
HP 58	I		R	R		M	M	M	M	M	M
HP 59	M		M	M		M	M	M	M	M	M
HP 60	M	M			M						A
HP 61	R	M			M					M	M
HP 62	I		R		R	R		M	M	M	M
HP 63	I		R		R	R		M	M	M	M
HP 64	I		R		R	R		M	M	M	M
HP 65	I		R		R	R		M	M	M	M

## 10. Kế hoạch giảng dạy

### 10.1. Học kỳ I: 16 TC (Bắt buộc)

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT/TL	TH/TT	Tự học (nếu có)	
1	LC111013	Triết học Mác-Lênin	3	30	15	0	0	
2	NG113813	Tiếng Pháp 1	3	30	15	0	0	
4	TC150011	Giáo dục thể chất 1	1	0	0	30	0	
5	NG111012	Luyện âm	2	20	10	0	0	
6	NG111212	Ngữ pháp 1	2	20	10	0	0	
7	NG113693	Nghe 1	3	30	15	0	0	
8	NG113713	Đọc 1	3	30	15	0	0	
<b>Tổng cộng</b>			<b>16</b>	<b>160</b>	<b>80</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	



**10.2. Học kỳ II: 18 TC (Bắt buộc)**

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT/TL	TH/TT	Tự học (nếu có)	
1	LC112112	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	20	10	0	0	
2	KC100053	Ứng dụng CNTT cơ bản	3	25	0	40	0	
3	NG113823	Tiếng Pháp 2	3	30	15	0	0	
4	NG111222	Ngữ pháp 2	2	20	10	0	0	
5	TC151011	Giáo dục thể chất 2	1	0	0	30	0	
6	NG113692	Lý thuyết dịch	2	20	10	0	0	
7	NG113703	Nói 1	3	30	15	0	0	
8	NG113723	Viết 1	3	30	15	0	0	
<b>Tổng cộng</b>			<b>18</b>	<b>175</b>	<b>75</b>	<b>40</b>	<b>0</b>	

**10.3. Học kỳ III: 15 TC (Bắt buộc)**

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT/TL	TH/TT	Tự học (nếu có)	
1	LC113112	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	20	10	0	0	
2	LC130012	Pháp luật đại cương	2	15	15	0	0	
3	NG113812	Tiếng Pháp 3	2	20	10	0	0	
4	NG113733	Nghe 2	3	30	15	0	0	
5	NG113753	Đọc 2	3	30	15	0	0	
6	NG113663	Kỹ thuật dịch	3	30	15	0	0	
7	TC152011	Giáo dục thể chất 3	1	0	0	30	0	
<b>Tổng cộng</b>			<b>15</b>	<b>145</b>	<b>80</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	

**10.4. Học kỳ IV: 15 TC (Bắt buộc)**

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT/TL	TH/TT	Tự học (nếu có)	
1	LC124112	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	22	8	0	0	
2	KT120612	Khởi nghiệp	2	15	15	0	0	
3	NG113673	Kỹ năng biên dịch	3	30	15	0	0	
4	TC160018	Giáo dục quốc phòng-an ninh	8	8 tín chỉ = 165 tiết				
5	NG113743	Nói 2	3	30	15	0	0	
6	NG113763	Viết 2	3	30	15	0	0	
7	TC152071	Giáo dục thể chất 4	1	0	0	30	0	
8	NG111022	Ngữ âm-Âm vị học	2	20	10	0	0	
<b>Tổng cộng</b>			<b>15</b>	<b>147</b>	<b>78</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	

**10.5. Học kỳ V: 19 TC (Bắt buộc)**

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT/TL	TH/TT	Tự học (nếu có)	
1	LC120012	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	22	8	0	0	
2	NG113562	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30	0	0	0	
3	NG113773	Nghe 3	3	30	15	0	0	
4	NG113783	Nói 3	3	30	15	0	0	
5	NG113793	Đọc 3	3	30	15	0	0	
6	NG113803	Viết 3	3	30	15	0	0	
7	NG113683	Kỹ năng phiên dịch	3	30	15	0	0	
<b>Tổng cộng</b>			<b>19</b>	<b>202</b>	<b>83</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	

**10.6. Học kỳ VI: 14TC (Bắt buộc: 7TC, tự chọn: 7TC)**

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT/TL	TH/TT	Tự học (nếu có)	
<b>- Bắt buộc:</b>			<b>7</b>	<b>50</b>	<b>20</b>	<b>10</b>	<b>0</b>	
1	NG111052	Ngữ nghĩa học	2	20	10	0	0	
2	NG113333	Tiếng Anh Tổng hợp C1.1	3	30	10	10	0	
3	NG113802	Thực hành kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm Biên phiên dịch	2	0	0	90 giờ	0	
<b>- Tự chọn: (Chọn 7/14 TC)</b>			<b>7</b>	<b>70</b>	<b>30</b>	<b>10</b>	<b>0</b>	
4	XH113032	Tiếng Việt thực hành	2	20	10	0	0	Chọn
5	XH140012	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	20	10	0	0	2/4 TC
6	NG112132	Đất nước học Anh	2	20	10	0	0	Chọn
7	NG112142	Đất nước học Mỹ	2	20	10	0	0	2/4 TC
8	NG113573	Biên phiên dịch Tiếng Anh Dịch vụ Du lịch và Lễ hành	3	30	10	10	0	Chọn 3/6 TC
9	NG113583	Biên phiên dịch Tiếng Anh Văn hóa -Du lịch	3	30	10	10	0	
<b>Tổng cộng</b>			<b>14</b>	<b>120</b>	<b>50</b>	<b>20 + 90 giờ</b>	<b>0</b>	

**10.7. Học kỳ VII: 14 TC (Tự chọn)**

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT/TL	TH/TT	Tự học (nếu có)	
1	NG113653	Biên phiên dịch Tiếng Anh Thực phẩm	3	30	10	10	0	Chọn 3/6TC
2	NG113633	Biên phiên dịch Tiếng Anh Thương mại	3	30	10	10	0	
3	NG113593	Biên phiên dịch Tiếng Anh Giao tiếp xã hội	3	30	10	10	0	Chọn 3/6TC
4	NG113613	Biên phiên dịch Tiếng Anh chăm sóc khách hàng	3	30	10	10	0	



5	NG112182	Văn hóa của các nước nói Tiếng Anh	2	20	10	0	0	Chọn 2/4TC
6	NG112152	Giao thoa văn hóa	2	20	10	0	0	
7	NG112162	Ngôn ngữ học đối chiếu	2	20	10	0	0	Chọn 2/4TC
8	NG111112	Ngôn ngữ học xã hội	2	20	10	0	0	
9	NG112242	Văn học Anh	2	20	10	0	0	Chọn 2/4TC
10	NG112122	Văn học Mỹ	2	20	10	0	0	
11	NG111062	Cú pháp học	2	20	10	0	0	Chọn 2/4TC
12	NG112172	Từ vựng học	2	20	10	0	0	
<b>Tổng cộng</b>			<b>14</b>	<b>140</b>	<b>60</b>	<b>20</b>	<b>0</b>	

### 10.8. Học kỳ VIII: 14 TC (Bắt buộc: 7 TC, tự chọn: 7 TC)

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT/TL	TH/TT	Tự học (nếu có)	
	<b>- Bắt buộc:</b>		<b>7</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>315 giờ</b>	<b>0</b>	
1	DT100017	Thực tập tốt nghiệp	7	0	0	315 giờ	0	10 tuần
2	<i>Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế</i>		7					
2.1	<i>Khóa luận tốt nghiệp</i>		7					
2.2	<i>Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</i>		7	70	35	0	0	
	<b>- Tự chọn (Chọn 7/14 TC)</b>		<b>7</b>	<b>70</b>	<b>35</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
2	NG111103	Phân tích điển ngôn	3	30	15	0	0	Chọn 3/6TC
3	NG111083	Ngữ dụng học	3	30	15	0	0	
4	NG113682	Kỹ năng phỏng vấn cho các vị trí biên phiên dịch	2	20	10	0	0	Chọn 2/4TC
5	NG113402	Kỹ năng thuyết trình	2	20	10	0	0	
6	NG113662	Biên phiên dịch tiếng Anh Hội nghị	2	20	10	0	0	Chọn 2/4TC
7	NG113402	Biên phiên dịch tiếng Anh Báo chí	2	20	10	0	0	
<b>Tổng cộng</b>			<b>14</b>	<b>70</b>	<b>35</b>	<b>315 giờ</b>	<b>0</b>	

### 11. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

#### 11.1. Triết học Mác-Lênin

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Khái quát về triết học, Triết học Mác-Lênin và vai trò của Triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội.

Những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng: Vật chất và ý thức, phép biện chứng duy vật, lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng.

Những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử: hình thái kinh tế xã hội, giai cấp và dân tộc, nhà nước và cách mạng xã hội, triết học về con người.

Học phần trang bị cho sinh viên thế giới quan, phương pháp luận khoa học để sinh viên học tập và tự học các học phần Lý luận chính trị tiếp theo (Kinh tế chính trị Mác-Lênin,



Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh) và các học phần thuộc ngành, chuyên ngành trong chương trình đào tạo.

### **11.2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin**

**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác-Lênin

Kinh tế chính trị Mác-Lênin là một trong ba bộ phận hợp thành của chủ nghĩa Mác - Lênin, có quan hệ mật thiết với Triết học Mác - Lênin và Chủ nghĩa xã hội khoa học.

Kinh tế chính trị Mác-Lênin là môn khoa học cơ bản, làm cơ sở cho việc xác định đường lối, chính sách kinh tế của nhà nước; làm cơ sở cho việc nghiên cứu các môn khoa học kinh tế ngành và quản lý kinh tế.

Kinh tế chính trị Mác - Lênin cung cấp hệ thống tri thức lý luận về: Hàng hoá, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

Học phần trang bị cho sinh viên thế giới quan, phương pháp luận khoa học để sinh viên học tập và tự học các học phần Lý luận chính trị tiếp theo (Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh) và các học phần thuộc ngành, chuyên ngành trong chương trình đào tạo.

### **11.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học**

**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế chính trị Mác-Lênin

Học phần cung cấp những tri thức cơ bản về Chủ nghĩa xã hội khoa học (một trong ba bộ phận cấu thành Chủ nghĩa Mác-Lênin): Quá trình hình thành, phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học; Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Cơ cấu xã hội-giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Học phần trang bị cho sinh viên thế giới quan, phương pháp luận khoa học để sinh viên học tập và tự học các học phần Lý luận chính trị tiếp theo (Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh) và các học phần thuộc ngành, chuyên ngành trong chương trình đào tạo.

### **11.4. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam**

**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Chủ nghĩa xã hội khoa học.

Học phần trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Góp phần khẳng định những thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Học phần trang bị cho sinh viên thế giới quan, phương pháp luận khoa học để sinh viên học tập và tự học học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh và các học phần thuộc ngành, chuyên ngành trong chương trình đào tạo.



**11.5. Tư tưởng Hồ Chí Minh****2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh gồm 6 chương cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh; Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh; Về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Về Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam; Về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Về văn hóa, đạo đức, con người.

Học phần trang bị cho sinh viên thế giới quan, phương pháp luận khoa học để sinh viên học tập và tự học các học phần thuộc ngành, chuyên ngành trong chương trình đào tạo.

**11.6. Pháp luật đại cương****2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật như nguồn gốc, bản chất, chức năng, các kiểu và hình thức của nhà nước và pháp luật. Các vấn đề về Nhà nước và pháp luật Việt Nam như: tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam; về kết cấu, cách xây dựng và áp dụng quy phạm pháp luật ở Việt Nam; Về một số nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

Học phần này làm cơ sở lý luận cho sinh viên tiếp cận các học phần về Quản lý nhà trường; Soạn thảo văn bản; các học phần pháp luật chuyên ngành.

**11.7. Phương pháp nghiên cứu khoa học****2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khoa học, nghiên cứu khoa học (NCKH); phương pháp NCKH; các thao tác NCKH; các giai đoạn tiến hành đề tài NCKH; hình thức và cấu trúc của luận văn khoa học và bước đầu biết vận dụng kỹ năng NCKH vào việc học tập và nghiên cứu chuyên ngành ngôn ngữ Anh, biên phiên dịch ở đại học.

**11.8. Khởi nghiệp****2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần cung cấp những kiến thức nhằm giúp người học biết cách chuẩn bị những điều kiện cần và đủ để tạo lập và điều hành thành công một doanh nghiệp mới. Môn học cũng đồng thời trang bị những kỹ năng để người học có thể xây dựng được một kế hoạch hành động cho ý tưởng kinh doanh, thực thi kế hoạch và điều chỉnh cho phù hợp với những thay đổi của môi trường kinh doanh. Ngoài ra môn học còn nhằm nâng cao nhận thức về trách nhiệm của một doanh nhân đối với sự phát triển nền kinh tế của đất nước, đối với khách hàng mà doanh nghiệp phục vụ và với cả cộng đồng dân cư thuộc địa bàn hoạt động của doanh nghiệp.

**11.9. Thực hành kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm Biên phiên dịch****2 TC**

Sinh viên có thể lựa chọn 1 trong 2 nội dung rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm như sau:

*11.9 Tại Việt Nam*

Học phần cung cấp cho sinh viên các hoạt động như giao lưu học tập với các giảng viên, sinh viên Tiếng Anh của các trường đại học trong và ngoài nước nhằm trao đổi kinh nghiệm học tập, nghiên cứu; tổ chức cho sinh viên cơ hội tiếp cận các tổ chức, ngành nghề có liên quan đến nghiệp vụ biên phiên dịch trong các lĩnh vực như dịch vụ du lịch, du lịch lữ hành, du lịch văn hóa, giao dịch thương mại, chăm sóc khách hàng,...



Học phần cung cấp các hoạt động trải nghiệm và tìm hiểu các nét văn hóa, di tích, lịch sử, danh lam thắng cảnh,... ở địa phương và các tỉnh lân cận.

Kết thúc học phần, sinh viên phát triển các kỹ năng mềm cơ bản như kỹ năng sống, giao tiếp, lãnh đạo, làm việc nhóm, sáng tạo và đổi mới,... Sinh viên tích lũy kiến thức, trải nghiệm thực tiễn để bổ sung, hỗ trợ và phục vụ cho việc sử dụng Tiếng Anh thành thạo, chuyên nghiệp khi ra trường.

#### *11.9.2 Tại một trường đại học ở nước ngoài*

Học phần tổ chức cho sinh viên tham quan thực tế tại một trường đại học ở nước ngoài (có ký kết hợp tác đào tạo với Trường Đại học Phú Yên) với các nội dung: học tập các chuyên đề, tham quan các cơ sở học thuật trong và ngoài trường, dự giờ và giao lưu văn hóa nhằm trao đổi kinh nghiệm học tập và thực hành ngôn ngữ.

Học phần còn tổ chức cho sinh viên tham quan những điểm du lịch ở nước ngoài nhằm giúp sinh viên có được những hiểu biết, trải nghiệm thực tiễn để bổ sung, hỗ trợ và phục vụ cho công việc biên phiên dịch khi ra trường.

### **11.10. Tiếng Việt thực hành**

**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị kiến thức cơ bản về tiếng Việt: chính tả, từ vựng-ngữ nghĩa, ngữ pháp, phong cách ngôn ngữ (phong cách ngôn ngữ hành chính, ngôn ngữ khoa học, văn bản nghị luận...). Đồng thời luyện kỹ năng chữa lỗi về chính tả, dùng từ, đặt câu và lỗi về nội dung, hình thức trình bày văn bản tiếng Việt. Ngoài ra, học phần này còn luyện kỹ năng chữa những loại lỗi thường mắc phải về từ, câu do hiện tượng giao thoa ngôn ngữ khi dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt và ngược lại.

### **11.11. Cơ sở văn hóa Việt Nam**

**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về văn hóa học và văn hóa Việt Nam: đặc trưng, chức năng, cấu trúc của văn hóa; định vị văn hóa Việt Nam. Nội dung các thành tố của văn hóa Việt Nam: Văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức cộng đồng, đời sống tập thể; văn hóa tổ chức cộng đồng, đời sống cá nhân; văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên; văn hóa ứng xử với môi trường xã hội.

### **11.12. Tiếng Pháp 1**

**3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về ngữ âm, ngữ pháp và phát triển vốn từ vựng đồng thời rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở trình độ sơ cấp. Sau khi kết thúc học phần này, sinh viên có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc quen thuộc thường ngày; các từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp cụ thể: có thể tự giới thiệu về mình và giới thiệu người khác; có thể trả lời những thông tin về bản thân như nơi sinh sống, người thân/bạn bè, mua sắm, hỏi và chỉ đường, giới thiệu và hiểu được những thông tin về du lịch v.v. Qua đó, sinh viên có thể giới thiệu về bản thân mình, mô tả về công việc hàng ngày thông qua một số tình huống giao tiếp thông thường.

### **11.13. Tiếng Pháp 2**

**3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Pháp 1

Học phần tiếp tục cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về ngữ pháp và phát triển vốn từ vựng đồng thời rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở trình độ sơ cấp. Sau khi kết thúc học phần này, sinh viên có thể hiểu được các câu và các cấu trúc được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp cơ bản (như thông tin về giải trí, sở thích,



những sự kiện và thói quen hàng ngày trong quá khứ, dự định trong tương lai,... Qua đó, sinh viên có thể mô tả được công việc mình đã làm và sẽ làm trong tương lai thông qua một số tình huống giao tiếp thông thường. Sinh viên có thể trao đổi thông tin về những chủ đề đơn giản, quen thuộc hàng ngày; mô tả bản thân, môi trường xung quanh và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu.

#### **9.14. Tiếng Pháp 3**

**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Pháp 2

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức ngữ pháp và phát triển vốn từ vựng, đồng thời rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở trình độ tiền trung cấp (A2). Sau khi kết thúc học phần này, sinh viên có thể giao tiếp tương đối tự tin về các vấn đề quen thuộc liên quan đến sở thích, học tập và việc làm của mình; có thể hiểu các chỉ dẫn chi tiết (ví dụ như các hướng dẫn về giao thông); có thể trao đổi, kiểm tra và xác nhận thông tin, giải thích vấn đề nảy sinh; có thể tham gia đàm thoại về các chủ đề quen thuộc, thể hiện quan điểm cá nhân và trao đổi thông tin về các chủ đề quen thuộc liên quan đến sở thích cá nhân, học tập, công việc hoặc cuộc sống hàng ngày; có thể viết thư cá nhân, viết các ghi chú đề hỏi hoặc truyền đạt những thông tin đơn giản liên quan trực tiếp, giải quyết những điểm được cho là quan trọng.

#### **11.14. Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản**

**3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần bao gồm các nội dung:

Những hiểu biết về công nghệ thông tin (CNTT) cơ bản: máy tính, mạng máy tính; các ứng dụng của CNTT và truyền thông; vấn đề an toàn thông tin cơ bản khi làm việc với máy tính.

Cách sử dụng máy tính cơ bản: hiểu biết cơ bản để bắt đầu làm việc với máy tính, làm việc với hệ điều hành, quản lý thư mục và tệp, một số phần mềm tiện ích, sử dụng tiếng Việt, sử dụng máy in.

Sử dụng Internet cơ bản: giới thiệu mạng máy tính, mạng Internet, một số công cụ tìm kiếm, trình duyệt web, thư điện tử.

Soạn thảo văn bản bằng phần mềm Microsoft Word; trình bày các báo cáo, giáo án trình chiếu trên máy chiếu bằng phần mềm Microsoft Powerpoint; nhập liệu và thao tác với bảng tính điện tử, sử dụng phép toán và các hàm xử lý số liệu và vẽ đồ thị bằng phần mềm Microsoft Excel.

#### **11.15 Giáo dục thể chất 1**

**1 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên hệ thống các động tác của bài thể dục phát triển chung, bài thể dục nhào lộn, bài thể dục nhảy dây ngắn nhằm giúp cho sinh viên rèn luyện sức khỏe tốt, phát triển các tố chất thể lực.

#### **11.16. Giáo dục thể chất 2**

**1 TC**

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục thể chất 1 (Thể dục)

Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về ý nghĩa, tác dụng và kỹ thuật của môn đẩy tạ kiểu lưng hướng ném, môn nhảy xa kiểu uốn thân, một số điều luật thi đấu môn nhảy xa và đẩy tạ.

#### **11.17. Giáo dục thể chất 3 (chọn 1 trong 5 học phần)**

**1 TC**

##### **a. Cầu lông 1**

**1 TC**

Điều kiện tiên quyết: Thể dục, Điền kinh.



Trang bị cho sinh viên những kiến thức về lịch sử sự ra đời và phát triển môn cầu lông; kiến thức kỹ thuật cơ bản của môn cầu lông; phổ biến một số điều luật về sân bãi, dụng cụ và thi đấu đơn.

**b. Bóng chuyền 1** **1 TC**

Điều kiện tiên quyết: Thẻ đục, Điền kinh.

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết về ý nghĩa, tác dụng, kỹ thuật của môn bóng chuyền; phổ biến một số điều luật cơ bản.

**c. Bóng đá 1** **1 TC**

Điều kiện tiên quyết: Thẻ đục, Điền kinh.

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết về ý nghĩa, tác dụng, kỹ thuật của môn bóng đá; phổ biến luật bóng đá 5 người; phương pháp tổ chức thi đấu và công tác trọng tài.

**d. Bóng bàn 1** **1 TC**

Điều kiện tiên quyết: Thẻ đục, Điền kinh.

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết về ý nghĩa, tác dụng, kỹ thuật của môn bóng bàn; phổ biến luật thi đấu đơn.

**e. Võ Cổ truyền 1** **1 TC**

Điều kiện tiên quyết: Thẻ đục, Điền kinh.

Trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản môn Võ thuật cổ truyền Việt Nam; nắm được ý nghĩa, tác dụng của việc luyện tập các môn học này đối với cơ thể con người, vận dụng môn học để rèn luyện nhằm nâng cao các tố chất thể lực cho cơ thể.

**11.18. Giáo dục thể chất 4 (chọn 1 trong 5 học phần)** **1 TC**

**a. Cầu lông 2** **1 TC**

Điều kiện tiên quyết: Thẻ đục, Điền kinh, Cầu lông 1.

Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ, chiến thuật nâng cao của môn cầu lông; phương pháp tổ chức thi đấu và công tác trọng tài; phổ biến luật.

**b. Bóng chuyền 2** **1 TC**

Điều kiện tiên quyết: Thẻ đục, Điền kinh, Bóng chuyền 1.

Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ, chiến thuật nâng cao của môn bóng chuyền; phổ biến luật thi đấu; phương pháp tổ chức thi đấu và công tác trọng tài.

**c. Bóng đá 2** **1 TC**

Điều kiện tiên quyết: Thẻ đục, Điền kinh, Bóng đá 1.

Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ, chiến thuật nâng cao của môn bóng đá; phương pháp tổ chức thi đấu và công tác trọng tài; phổ biến luật bóng đá 7 người.

**d. Bóng bàn 2** **1 TC**

Điều kiện tiên quyết: Thẻ đục, Điền kinh, Bóng bàn 1.

Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ, chiến thuật nâng cao của môn bóng bàn; phương pháp tổ chức thi đấu và công tác trọng tài; phổ biến luật đánh đôi.

**e. Võ Cổ truyền 2** **1 TC**

Điều kiện tiên quyết: Thẻ đục, Điền kinh, Võ Cổ truyền 1.

Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ, chiến thuật nâng cao của môn võ cổ truyền; phương pháp tổ chức thi đấu và công tác trọng tài; phổ biến luật.

**11.19. Giáo dục Quốc phòng - An ninh** **8 TC**

Nội dung ban hành kèm theo Thông tư số: 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường TCSP, CĐSP và cơ sở giáo dục đại học.



**11.20. Luyện âm****2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần cung cấp kiến thức căn bản và thực hành phát âm tiếng Anh gồm: nguyên âm, phụ âm, nhị trùng âm; cách đọc –ed endings, và –s /-es endings; trọng âm từ (word stress), trọng âm câu (sentence stress), đọc nối (link-up), nhịp điệu (rhythm) và ngữ điệu câu (intonation); hướng dẫn học viên nghe và thực hành thông qua các bài tập thực hành đa dạng; giúp nhận dạng và giải quyết các vấn đề phát âm thường gặp ở người học, có chú ý nhấn mạnh về các vấn đề của người Việt Nam học tiếng Anh. Đây là học phần cơ bản hỗ trợ cho người học trong việc phát triển các kỹ năng giao tiếp, đặc biệt là kỹ năng nghe, nói.

**11.21. Ngữ âm-Âm vị học****2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Luyện âm

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý thuyết cơ bản về hệ thống ngữ âm, âm vị tiếng Anh, mô tả và phân loại âm; Vai trò và các qui luật biến đổi của âm vị trong ngôn ngữ, các yếu tố siêu đoạn tính như trọng âm, nhịp điệu, ngữ điệu và các chức năng của chúng. Ngoài ra, sinh viên có thể giải thích các hiện tượng ngữ âm như: đồng hóa âm, đọc nuốt, và các nguyên tắc đọc nối. Trên cơ sở đó sinh viên có thể củng cố và phát triển năng lực thực hành giao tiếp bằng tiếng Anh.

**11.22. Ngữ pháp 1****2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần tích hợp các kiến thức về ngữ pháp với việc sử dụng từ vựng tiếng Anh theo các chủ điểm: du lịch và vận chuyển, thể thao và giải trí, khoa học và công nghệ, phương tiện truyền thông đại chúng, con người và xã hội, luật pháp và tệ nạn xã hội và các vấn đề về sức khỏe để vận dụng vào việc giao tiếp bằng tiếng Anh.

**11.23. Ngữ pháp 2****2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Ngữ pháp 1

Học phần tiếp tục tích hợp các kiến thức về ngữ pháp với việc sử dụng từ vựng tiếng Anh theo các chủ điểm: đồ ăn và thức uống, giáo dục và việc học tập, thời tiết và môi trường, tiền bạc và mua sắm, giải trí, môi trường, thời trang và thiết kế thời trang, qua đó người học có thể vận dụng vào việc giao tiếp bằng tiếng Anh. Kết thúc học phần, sinh viên được trang bị kiến thức đầy đủ để có thể tham gia vào các kỳ thi chuẩn năng lực cho các kỹ năng, đặc biệt là phần bài thi năng lực tiếng Anh Use of English.

**11.24. Ngữ nghĩa học****2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Ngữ pháp 2

Học phần làm rõ nét và phân biệt hai bình diện của ngôn ngữ: bình diện biểu hiện và bình diện nội dung hay là bình diện ngữ nghĩa. Học phần này nghiên cứu về nghĩa của ngôn ngữ ở khía cạnh độc lập với ngôn ngữ qua các chương, phần về Ngữ nghĩa học tiếng Anh, nghĩa của từ, nghĩa của câu và nghĩa của phát ngôn. Ngoài ra, học phần cũng đề cập những vấn đề cơ bản về mối quan hệ giữa ngữ nghĩa học và ngữ dụng học, hai phân ngành có sự liên hệ mật thiết với nhau thuộc ngôn ngữ học tiếng Anh.

**11.25. Từ vựng học****2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Ngữ pháp 2

Học phần từ vựng học cung cấp kiến thức căn bản về từ vựng học tiếng Anh gồm: đối tượng nghiên cứu và ý nghĩa của môn học; Cấu trúc từ vựng và cách thành lập; Các loại nghĩa của từ; Nghĩa cú; Lịch sử hình thành và phát triển của từ vựng và tính đa dạng của chúng.



**11.26. Cú pháp học****2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Ngữ pháp 2

Học phần cung cấp cho người học khái niệm ngữ pháp truyền thống và phương pháp mô tả; kiến thức về ngữ pháp tạo sinh như các cấu trúc cú pháp, các ký hiệu sử dụng trong mô tả cú pháp, vẽ sơ đồ hình cây; và những quy tắc cú pháp như quy tắc cấu tạo các cụm từ ngữ, quy tắc từ vựng, quy tắc chuyển đổi câu; giúp nhận diện và giải thích các câu mơ hồ do cấu trúc gây nên.

**11.27. Ngôn ngữ học đối chiếu****2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Ngữ nghĩa học

Học phần cung cấp cho sinh viên công cụ về mặt lí thuyết để so sánh đối chiếu tiếng mẹ đẻ với tiếng Anh đồng thời cung cấp các thủ pháp và nguyên tắc cụ thể được sử dụng trong quá trình so sánh đối chiếu ngôn ngữ để giúp sinh viên thuận lợi hơn trong việc phát âm, giảng dạy tiếng Anh và dịch thuật Anh-Việt hoặc Việt-Anh.

**11.28. Ngôn ngữ học xã hội****2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Ngữ nghĩa học

Học phần này giới thiệu mối quan hệ giữa ngôn ngữ, văn hóa và xã hội; giới tính, tuổi tác, tầng lớp xã hội, sở thích, quan hệ xã hội, địa phương, tín ngưỡng, kiêng kỵ, chính trị, tập tục, truyền thống đối với việc sử dụng ngôn ngữ qua các biến thể ngôn ngữ, qua cách xưng hô, qua những tình huống nói năng hoặc im lặng, qua sự thay đổi ngôn ngữ.

**11.29. Văn hóa của các nước nói tiếng Anh****2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần giúp người học tìm hiểu và khám phá các nền văn hóa, lịch sử, địa lý, các sự kiện của một số nước nói tiếng Anh như Anh, Mỹ, Canada, Úc, Ấn Độ, Singapore, Philippines, New Zealand, v.v.

Học phần còn cung cấp một số kiến thức cơ bản về các đặc điểm về lịch sử, con người, văn hóa, xã hội, kinh tế, chính trị, và giáo dục đồng thời giúp phát triển các kỹ năng như thuyết trình, phân tích, phê phán, làm việc nhóm, nghiên cứu liên ngành và tranh luận. Hơn nữa, học phần tạo điều kiện nâng cao vốn từ vựng tiếng Anh cũng như các kỹ năng tiếng Anh, đóng vai trò là tiền đề cho những ai quan tâm đến chuyên ngành Quốc tế học.

**11.30. Giao thoa văn hóa****2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Giao thoa Văn hóa giới thiệu cho sinh viên các kiến thức cơ bản về lý thuyết giao thoa giữa các nền văn hoá khác nhau, giúp sinh viên nhận thức được những khác biệt trong giao tiếp giữa những người thuộc các nền văn hoá khác nhau, và giúp sinh viên nâng cao khả năng phân tích, so sánh và đối chiếu, từ đó có thái độ đúng trong giao tiếp với những người đến từ các nền văn hoá khác.

**11.31. Đất nước học Anh****2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần giới thiệu về đất nước và con người Anh, hệ thống giá trị, phong tục tập quán, xã hội, tôn giáo, hệ thống chính trị, kinh tế của vương quốc Anh, làm nền tảng để tìm hiểu và vận dụng những kiến thức đó trong tiếp thu ngôn ngữ Anh, trong hoạt động giao tiếp liên văn hoá.

**11.32. Đất nước học Mỹ****2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.



Học phần cung cấp một cái nhìn tổng quát về Hợp chủng quốc Hoa Kỳ, giới thiệu sơ lược lịch sử hình thành đất nước kể từ thời lập quốc, phân tích những đặc trưng cơ bản về đất nước, con người và văn hóa Hoa Kỳ đương đại. Học phần chú trọng vào lịch sử nhập cư, các làn sóng nhập cư và tính đa dạng của nền văn hóa Mỹ, những giá trị cơ bản truyền thống và hiện đại của người Mỹ, tổ chức bộ máy nhà nước, hệ thống giáo dục và các đặc điểm của nền giáo dục Hoa Kỳ, gia đình, v.v.

### **11.33. Văn học Anh**

**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần giới thiệu cho sinh viên các kiến thức cơ bản về đặc điểm văn học qua từng giai đoạn lịch sử và xã hội của nước Anh, các tác giả tiêu biểu của từng thời kỳ với chủ đề và văn phong đặc trưng, các tác phẩm tiêu biểu thể hiện chủ đề và đặc điểm xã hội, một số lý thuyết văn học và các phương pháp nghiên cứu tác phẩm văn học.

### **11.34. Văn học Mỹ**

**2TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần giới thiệu cho sinh viên các kiến thức cơ bản về đặc điểm văn học qua từng giai đoạn lịch sử và xã hội, các tác giả tiêu biểu của từng thời kỳ với chủ đề và văn phong đặc trưng, các tác phẩm tiêu biểu thể hiện chủ đề và đặc điểm xã hội, một số lý thuyết về văn học và các phương pháp nghiên cứu tác phẩm văn học.

### **11.35. Nghe 1**

**3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần cung cấp những kỹ thuật nghe cơ bản để nhận diện và giải mã âm thông qua các hoạt động nghe trên lớp; cách nhận biết và vận dụng lượng từ vựng Tiếng Anh thông dụng hàng ngày và các cấu trúc ngôn ngữ cơ bản; thông tin về những phong tục, tập quán và văn hóa của người Anh ở các vùng miền; phát triển kỹ năng nghe-hiểu ngôn ngữ tiếng Anh trong giao tiếp ở cấp độ cơ bản.

### **11.36. Nói 1**

**3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần cung cấp kiến thức căn bản và chuyên sâu về ngôn ngữ tiếng Anh nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp thông qua hình thức diễn đạt nói ở mức độ phát triển kỹ năng nói bậc hai (2/6) như miêu tả tranh, thảo luận nhóm – cặp, chứng minh, diễn thuyết, phân tích. Sinh viên có thể tạo ra được những bài phát biểu mới với lượng từ vựng nhất định; có thể trao đổi và đưa ý kiến của mình về các vấn đề quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày.

### **11.37. Đọc 1**

**3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần nhằm xây dựng, phát triển vốn từ theo chủ điểm, theo sự đa nghĩa của từ, theo các thành ngữ, thuật ngữ; giúp sinh viên nhận biết, hình thành và vận dụng có hiệu quả các kỹ thuật đọc như: đoán nội dung bài khóa, đoán được từ mới dựa vào ngữ cảnh hoặc kiến thức nền, tìm được đại ý của bài khóa, nhận diện bố cục bài, nhận diện các luận chứng, chứng cứ trong bài; phát triển kỹ năng đọc hiểu ở cấp độ cơ bản.

### **11.38. Viết 1**

**3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về kỹ năng viết ở các thể loại mang tính thực tiễn như Email to friends, Invitations and RSVPs, Thank- you Letters, Postcards...; hướng dẫn người học cách thức trao đổi thông tin phục vụ cho cuộc sống thường nhật: Making Polite Enquiries, Giving Instructions, Writing to Confirm Arrangements,... hay cách sử dụng linh



hoạt văn phong trang trọng đáp ứng yêu cầu các công việc mang tính hành chính như Writing an Article or Essay, Writing Formal Notes and Notices, Applying for a Job: Your CV.

### **11.39. Nghe 2**

**3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Nghe 1

Học phần cung cấp kỹ thuật để nhận diện và giải mã âm; phát triển các kỹ năng nghe cơ bản: nghe sơ bộ, nghe để xử lý thông tin chi tiết; giúp sinh viên nhận biết và vận dụng ngôn ngữ (formal và informal) trong các chủ đề công việc và giải trí; cho SV tiếp cận đa dạng các giọng nói, các hoạt động nghe trên lớp; phát triển kỹ năng nghe-hiểu ngôn ngữ tiếng Anh trong giao tiếp; trình độ tương đương cấp độ trung cấp B1.

### **11.40. Nói 2**

**3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Nói 1

Học phần cung cấp kiến thức căn bản và chuyên sâu về ngôn ngữ tiếng Anh nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp thông qua hình thức diễn đạt nói; giúp sinh viên nắm bắt cách diễn đạt các chức năng ngôn ngữ cụ thể như cách trao đổi thông tin, đàm phán, ngắt lời một người khác đang nói, cách thuyết phục, thể hiện sự quan tâm; cách thể hiện sự tức giận, thể hiện sự hoài nghi, sự háo hức, sự tự tin và do dự ... Từ đó sinh viên có thể diễn đạt ý tưởng của mình một cách tự nhiên, chuẩn xác và lưu loát. Đồng thời giúp sinh viên quan sát tranh, ảnh và tưởng tượng về các tình huống xảy ra trong cuộc sống xung quanh. Nêu những suy nghĩ và suy đoán của mình và cùng nhau thảo luận về các tình huống đó.

### **11.41. Đọc 2**

**3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Đọc 1

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên cách thức và phương pháp đọc một cách tương đối độc lập, có khả năng điều chỉnh cách đọc và tốc độ đọc theo từng dạng văn bản và mục đích đọc cũng như sử dụng các nguồn tham khảo phù hợp một cách có chọn lọc; giúp sinh viên hiểu các bản hướng dẫn dài, phức tạp trong lĩnh vực chuyên môn của mình, bao gồm các chi tiết về điều kiện và cảnh báo, với điều kiện được đọc lại các đoạn khó; vận dụng được một lượng lớn từ vựng để phục vụ quá trình đọc, nhưng có thể vẫn còn gặp khó khăn với các thành ngữ.

### **11.42. Viết 2**

**3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Viết 1

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản và chuyên sâu về kỹ năng viết ở các chủ đề mang tính thực tiễn trong cuộc sống, rèn luyện cho người học các loại văn phong ở các thể loại khác nhau gồm: cách giao tiếp qua các dạng thư tín (formal, semi-formal and informal), cách sử dụng linh hoạt các loại văn phong khác nhau đáp ứng yêu cầu từng công việc cụ thể (writing a reference, writing an opinion piece, writing a report, writing a review, writing a story, writing a letter of complaint, writing a speech...), cách lựa chọn ngôn ngữ viết phù hợp với các đối tượng khác nhau.

### **11.43. Nghe 3**

**3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Nghe 2

Học phần cung cấp kỹ thuật nghe và nhận diện được ý chính thông qua những thể loại văn bản dài, phức tạp hơn, dạng độc thoại, đối thoại, như bài giảng, phóng sự, báo cáo, tin tức, những cuộc trò chuyện sôi nổi,...cho sinh viên tiếp cận với sự đa dạng về âm sắc của người bản xứ, về ngôn ngữ diễn đạt, có được định hướng rõ ràng bởi ngôn ngữ gợi mở, có định hướng; phát triển năng lực nghe hiểu cho sinh viên ở trình độ tương đương cấp độ B2.



**11.44. Nói 3****3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Nói 2

Học phần cung cấp kỹ thuật miêu tả, trình bày rõ ràng, hệ thống và mở rộng; tạo điểm nhấn và đưa ý bổ sung phù hợp về nhiều kiểu đề tài liên quan đến lĩnh vực như giáo dục, kinh tế, văn hóa, giải trí...; cách sử dụng ngôn ngữ trôi chảy, chính xác và hiệu quả, thiết lập rõ mối quan hệ giữa các ý, sử dụng ngôn ngữ phù hợp ngữ cảnh; phát triển năng lực diễn đạt nói cho sinh viên ở trình độ tương đương cấp độ B2.

**11.45. Đọc 3****3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Đọc 2

Học phần cung cấp kỹ thuật đọc hiểu với với các loại bài đọc khác nhau; biết sử dụng các nguồn tài liệu tham khảo một cách có chọn lọc; đọc độc lập, điều chỉnh phương thức và tốc độ đọc phù hợp với các loại bài đọc khác nhau và tùy theo mục đích đọc cụ thể; cung cấp đa dạng các thể loại bài đọc dài, phức tạp như bản tin, bài báo, báo cáo liên quan đến các chủ đề như giáo dục, kinh tế, sức khỏe, văn hóa,...; phát triển kỹ năng đọc hiểu tương đương cấp 4/6.

**11.46. Viết 3****3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Viết 2

Học phần cung cấp các kỹ thuật viết các thể loại văn bản như miêu tả chi tiết, thư từ, bình luận về các chủ đề như điện ảnh, văn hóa, giáo dục, thương mại ...; làm rõ mối quan hệ giữa các ý trong bài viết và tuân thủ các quy chuẩn của thể loại bài viết; phát triển kỹ năng viết cho sinh viên ở cấp độ tương đương B2.

**11.47. Tiếng Anh Tổng hợp C1.1****3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Nghe, nói, đọc, viết 3

Học phần cung cấp kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ tiếng Anh nhằm phát triển bốn kỹ năng ngôn ngữ: Nghe - Nói - Đọc - Viết ở trình độ C1. Học phần trang bị các dạng bài đọc hiểu và kỹ năng đọc từng thể loại khác nhau; luyện cách viết các dạng bài luận, bài báo, báo cáo, bài tóm tắt hay viết thư và thư điện tử với phong cách và lối viết trang trọng, thông thường hay thân mật; luyện kỹ năng nghe với các thể loại khác nhau và nhận ra thái độ, ý kiến và cảm xúc của người nói, làm quen với các giọng và tốc độ của các bài nghe, suy đoán nội dung của bài nghe, nắm bắt ý chính và một số thông tin cụ thể; hệ thống lại các chủ điểm ngữ pháp và các cấu trúc câu, luyện kỹ năng nói qua các hoạt động trình bày những chủ đề phức tạp một cách chính xác và khoa học.

**11.48. Lý thuyết dịch****2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần chủ yếu hướng tới việc giúp sinh viên bước đầu làm quen với Lý thuyết biên phiên dịch, thông qua đó củng cố kỹ năng sử dụng đúng tiếng Anh có so sánh với tiếng Việt. Đồng thời giúp sinh viên làm quen với các thao tác dịch thuật, cách phân tích văn bản gốc và văn bản dịch, cách dịch thông báo và dịch ngữ nghĩa, tiến trình dịch thuật. Sinh viên ứng dụng được lý thuyết dịch thuật để dịch các văn bản từ tiếng Anh sang tiếng Việt và ngược lại.

**11.49. Kỹ thuật dịch****3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Lý thuyết dịch

Học phần cung cấp cho sinh viên các kỹ thuật cần thiết để phục vụ cho công tác biên phiên dịch như: kỹ thuật dịch thoát ý, kỹ thuật dịch thành ngữ, kỹ thuật sử dụng ngữ điệu, ngôi và số, kỹ thuật dịch câu thiếu chủ ngữ, vv.



Học phần còn giúp sinh viên phát hiện và sửa chữa các sai lệch về ngôn ngữ, phong cách và văn hóa trong khi biên phiên dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt hoặc ngược lại.

#### **11.50. Kỹ năng biên dịch**

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Kỹ thuật dịch

Học phần nhằm giúp sinh viên làm quen với quá trình dịch thuật, các kỹ thuật dịch văn bản đơn giản, đồng thời giúp sinh viên ý thức được tầm quan trọng của các khái niệm lý thuyết và nguyên lý cơ bản trong dịch thuật văn bản.

Giúp sinh viên nhận biết và làm quen với các kỹ năng và chiến lược dịch thuật có liên quan đến giao thoa trong văn hoá giao tiếp và ngôn ngữ.

#### **11.51. Kỹ năng phiên dịch**

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Kỹ năng biên dịch

Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên khả năng vận dụng các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, ghi nhớ, tóm tắt, phân tích, diễn giải và trình bày thông tin ở mức độ lưu loát, trôi chảy và thái độ tự tin, thể hiện khả năng chuyển ngữ tốt trong các hội nghị, hội thảo từ ngôn ngữ nguồn sang ngôn ngữ đích và ngược lại.

Học phần này kế thừa các học phần thực hành ngôn ngữ cũng như các học phần liên quan đến phát triển kỹ năng biên phiên dịch.

#### **11.52. Biên phiên dịch Tiếng Anh Dịch vụ du lịch và lữ hành**

3TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần cung cấp khối lượng từ vựng, cấu trúc, thuật ngữ và kỹ năng biên phiên dịch dùng trong lĩnh vực Dịch vụ du lịch và lữ hành. Học phần giới thiệu về ngành du lịch và các dịch vụ đại lý lữ hành, các kinh nghiệm thực tiễn trong quản lý và điều hành các đại lý lữ hành trong và ngoài nước. Sinh viên được thực hành biên phiên dịch về các nội dung như: hoạt động hướng dẫn du lịch, những yêu cầu cơ bản khi đi du lịch, những yếu tố tác động đến hoạt động hướng dẫn du lịch, phương pháp hướng dẫn tham quan du lịch và xử lý tình huống trong hướng dẫn du lịch. Sinh viên được thực hành biên phiên dịch theo các chủ đề: du lịch sinh thái, du lịch văn hóa, du lịch cộng đồng. Kết thúc học phần, sinh viên có kỹ năng biên phiên dịch các văn bản cũng như xử lý tương tác các tình huống nêu trên một cách trôi chảy, tự nhiên, đúng phong cách và chính xác.

#### **11.53. Biên phiên dịch Tiếng Anh Văn hóa -Du lịch**

3TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần khám phá bản chất của các di sản, văn hóa, du lịch và mối quan hệ của chúng với du lịch và sự phát triển của du lịch. Học phần cũng nghiên cứu các vấn đề liên quan đến bảo tồn, gìn giữ và phát triển di sản, văn hóa trong bối cảnh hiện tại ở các địa phương, từ đó rút ra các kinh nghiệm để phát triển bền vững và lưu giữ hoàn thiện các giá trị của văn hóa cho các thế hệ kế cận.

Học phần cung cấp khối lượng từ vựng, cấu trúc, thuật ngữ và kỹ năng biên phiên dịch dùng trong lĩnh vực Văn hóa- Du lịch. Người học được thực hành biên phiên dịch thông qua các hoạt động giới thiệu các di sản, văn hóa, du lịch; tình huống giao tiếp tương tác giữa một hướng dẫn viên du lịch với đoàn khách du lịch trong nước và quốc tế về một nét văn hóa đặc trưng. Kết thúc học phần, sinh viên có kỹ năng biên phiên dịch về văn hóa-du lịch một cách trôi chảy, tự nhiên, đúng phong cách và chính xác.

#### **11.54. Biên phiên dịch Tiếng Anh Giao tiếp xã hội**

3TC

Điều kiện tiên quyết: Không.



Học phần cung cấp khối lượng từ vựng, cấu trúc, thuật ngữ và kỹ năng biên phiên dịch dùng trong lĩnh vực giao tiếp xã hội. Sinh viên được thực hành biên phiên dịch về các nội dung như: giao tiếp xã giao cơ bản trong các tình huống cụ thể, tạo mối quan hệ với khách hàng, chào mừng khách hàng tới thăm, sử dụng dịch vụ tại công ty, nhà hàng, khách sạn, ... Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng vận dụng đa dạng loại hình ngôn ngữ vào các tình huống về các chủ đề trên một cách trôi chảy, tự nhiên, đúng phong cách và chính xác.

### **11.55. Biên phiên dịch Tiếng Anh Chăm sóc khách hàng**

3TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần cung cấp khối lượng từ vựng, cấu trúc, thuật ngữ và kỹ năng biên phiên dịch dùng trong lĩnh vực chăm sóc khách hàng. Sinh viên được thực hành biên phiên dịch về các nội dung như: các loại hình dịch vụ phục vụ khách hàng; chương trình khuyến mãi ưu đãi khách hàng, xây dựng mạng lưới quan hệ trong kinh doanh, dịch vụ... nhằm làm hài lòng khách hàng. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng vận dụng đa dạng ngôn ngữ trong tình huống nhằm làm hài lòng khách hàng.

### **11.56. Biên phiên dịch Tiếng Anh Thực phẩm**

3TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần cung cấp khối lượng từ vựng, cấu trúc, thuật ngữ và kỹ năng biên phiên dịch dùng trong lĩnh vực thực phẩm và chế biến thực phẩm. Các chủ đề chính của học phần hầu hết gắn với các quá trình bảo quản, chế biến, xử lý và vệ sinh an toàn thực phẩm. Sinh viên được trang bị đa dạng kiến thức và ngôn ngữ về các cách chế biến các loại thực phẩm cụ thể như sản xuất và chế biến sữa, bánh ngọt, các loại mứt, và các loại đồ uống như sản xuất bia, cà phê, ca cao... . Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng vận dụng đa dạng ngôn ngữ trong nhiều tình huống liên quan đến các nội dung trên nhằm phục vụ và đáp ứng yêu cầu của chuyên ngành thực phẩm và có thể làm việc trong các môi trường có liên quan đến chuyên ngành thực phẩm.

### **11.57. Biên phiên dịch Tiếng Anh Thương mại**

3TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần cung cấp cho sinh viên từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, thuật ngữ chuyên ngành về các hoạt động kinh doanh thương mại. Sinh viên được trang bị các kỹ thuật biên phiên dịch và thực hành biên phiên dịch các tài liệu, văn bản hợp đồng theo các chủ đề: quản lý nhân sự, kinh doanh qua mạng, tuyển dụng, thanh toán, thị trường và đối thủ cạnh tranh. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng biên phiên dịch các văn bản về các chủ đề trên một cách trôi chảy, tự nhiên, đúng phong cách và chính xác.

### **11.58. Thực tập tốt nghiệp**

7 TC

Điều kiện tiên quyết: Kỹ năng phiên dịch

Sinh viên phải trực tiếp tham gia vào hoạt động của đơn vị thực tập, phải tìm hiểu từ các hoạt động tại đơn vị đó; trên cơ sở kiến thức đã học ở nhà trường, sinh viên vận dụng Tiếng Anh linh hoạt để giao tiếp, giải quyết các vấn đề thực tiễn đặt ra.

Để có đủ thông tin viết Báo cáo thực tập và minh chứng cho quá trình thực tập, yêu cầu sinh viên viết Nhật ký thực tập. Cuối đợt thực tập, sinh viên viết Báo cáo thực tập gửi về Khoa Ngoại ngữ cùng với Nhật ký thực tập và Nhận xét của cơ quan thực tập.

### **11.59. Phân tích diễn ngôn**

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Ngữ nghĩa học



Học phần giúp SV phân tích các yếu tố ngôn ngữ của diễn ngôn như cohesion, information structure, given/new information, theme & rheme, genre. PTĐN còn giúp SV phân tích diễn ngôn qua mối quan hệ giữa người nói và người nghe, giữa người viết và người đọc trong quá trình họ xây dựng và diễn giải diễn ngôn của người kia, giải mã điều thực sự người nói muốn nói chứ không phải nghĩa đen của câu chữ người nói sử dụng (coherence), mối liên kết của tất cả các yếu tố trong một diễn ngôn qua cách dùng các đại từ, liên từ (cohesion), giải mã ý nghĩa lời nói qua mối quan hệ phức tạp giữa những người tham gia trong các ngữ cảnh khác nhau (speech events), qua các cách thức đối thoại như chờ đợi, cắt ngang (conversational interaction). SV sẽ được hiểu rõ hơn về nguyên tắc hợp tác, cách thức hình thành diễn ngôn (bottom-up or top-down processing, interactive processing) trong một đối thoại, sử dụng nền tảng kiến thức của mình để hiểu diễn ngôn của người kia. PTĐN còn giúp SV miêu tả và giải thích quy trình tạo dựng và diễn giải các trao đổi trong một hội thoại (conversational analysis), quá trình thương thuyết giữa các người nói để hiểu rõ hơn diễn ngôn (negotiation of meaning), yếu tố văn hóa tác động đến diễn ngôn giữa 2 người đến từ hai nguồn văn hóa khác nhau.

### **11.60. Ngữ dụng học**

3TC

Điều kiện tiên quyết: Ngữ nghĩa học

Học phần ngữ dụng học cung cấp kiến thức ngôn ngữ cho sinh viên, giúp họ hiểu rõ hơn lời nói trong giao tiếp để nâng cao kỹ năng giao tiếp của chính mình hoặc tiếp tục nghiên cứu các hiện tượng ngôn ngữ. Ngữ dụng học nghiên cứu ý nghĩa của lời nói qua một tình huống giao tiếp, một ngữ cảnh cụ thể để hiểu thông điệp giao tiếp thực sự mà người nói muốn truyền tải đến người nghe.

### **11.61. Kỹ năng phỏng vấn cho các vị trí biên phiên dịch**

2TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần nêu rõ vai trò, vị trí, tiêu chuẩn của Thông dịch viên và thị trường việc làm của Thông dịch viên trong thời kỳ hội nhập. Học phần cung cấp các loại câu hỏi phỏng vấn và các câu trả lời liên quan đến vị trí Thông dịch viên, bao gồm các câu hỏi phỏng vấn chung và câu hỏi phỏng vấn chuyên môn; các yêu cầu cho qui trình chuẩn bị phỏng vấn; các yêu cầu cho qui trình phỏng vấn. Sinh viên làm quen với các dạng đơn xin việc, biết lập profiles, blogs cá nhân trên mạng, biết tìm kiếm thông tin tuyển dụng việc làm phù hợp. Kết thúc học phần, sinh viên trở nên tự tin, sẵn sàng tham gia các cuộc phỏng vấn xin việc.

### **11.62. Kỹ năng Thuyết trình**

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần hướng dẫn cho sinh viên các kiến thức và kỹ thuật cơ bản để chuẩn bị một bài thuyết trình trong các buổi họp, báo cáo và hội thảo. Nội dung bao gồm:

Chuẩn bị các slide, handout và các công cụ hỗ trợ khi thuyết trình.

Trình bày một bài thuyết trình: cách trình bày các phần khác nhau của một bài thuyết trình, các thuật ngữ và cấu trúc câu thường dùng, sử dụng ngôn ngữ hình thể trong thuyết trình, điều chỉnh ngữ điệu, cách vượt qua căng thẳng thường gặp khi thuyết trình, cách đưa ra các chỉ dẫn cho phần đặt câu hỏi của khán giả, phương pháp thu thập và phản hồi các ý kiến/câu hỏi của khán giả.

### **11.63. Biên phiên dịch Tiếng Anh Hội nghị**

2TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần cung cấp khối lượng từ vựng, cấu trúc, thuật ngữ và kỹ năng biên phiên dịch dùng trong hội thảo, hội nghị, trong các cuộc họp. Học phần trang bị cho sinh viên kiến



thức và ngôn ngữ về cách thiết lập và điều hành hội nghị có yếu tố quốc tế như cách mở đầu cuộc họp bằng Tiếng Anh; cách xin phép đưa ra ý kiến, câu hỏi; cách đưa ra đề nghị, bình luận hay bày tỏ thái độ về ý kiến của người khác; cách làm rõ vấn đề; yêu cầu nhắc lại hay giải thích rõ hơn một thông tin; cách tham khảo ý kiến; cách kết thúc cuộc họp. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng vận dụng cơ bản các loại hình ngôn ngữ trong nhiều tình huống được nêu trên.

#### **11.64 Biên phiên dịch Tiếng Anh Báo chí**

**2TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần cung cấp khối lượng từ vựng, cấu trúc, thuật ngữ và kỹ năng biên phiên dịch dùng trong lĩnh vực báo chí. Nội dung học tập bao gồm: giới thiệu về lịch sử báo chí, các loại hình báo chí, hướng dẫn cách tìm kiếm thông tin, biên tập, viết tin bài, phỏng vấn,... Sinh viên được thực hành kỹ năng phỏng vấn báo chí thông qua các hoạt động nhập vai một nhà báo thực hiện một cuộc phỏng vấn với nhân vật trong nhiều lĩnh vực như giải trí, du lịch, kinh doanh, quảng cáo, tiếp thị... Sinh viên cũng tham gia các hoạt động thảo luận, làm bài tập dự án, đánh giá và tạo ra một số sản phẩm báo chí cơ bản. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng vận dụng cơ bản các loại hình ngôn ngữ trong các nội dung trên.

## 12. Danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình

### 12.1. Đội ngũ giảng viên cơ hữu

STT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần, môn học dự kiến đảm nhiệm
1	Ngô Thị Kim Phượng, 1968, Phó Trưởng phòng Đào tạo	GVC, 2006	Ths, Việt Nam, 2003	Triết học	Triết học Mác - Lênin
2	Đào Văn Phượng, 1978, Giảng viên	GV	TS, Việt Nam, 2018	Kinh tế chính trị	Kinh tế chính trị Mác - Lênin
3	Nguyễn Thị Trang, 1974, Trưởng Bộ môn Nguyên lý cơ bản CN Mac-Lênin	GV	Ths, Việt Nam, 2009	CNXHKH	Chủ nghĩa xã hội khoa học
4	Võ Thị Minh Duyên, 1972, Chủ tịch Hội đồng Trường	GVC, 2011	Ths, Việt Nam, 2005	Lịch sử Việt Nam	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
5	Trần Văn Tàu, 1975, Phó Trưởng khoa Khoa Lý luận chính trị	GVC, 2011	TS, Việt Nam, 2018	Lịch sử Việt Nam	Tư tưởng Hồ Chí Minh
6	Nguyễn Thị Phượng, 1975, Trưởng phòng Hành chính – Quản trị	GVC, 2017	Ths, Việt Nam, 2005	Luật hành chính	Pháp luật đại cương
7	Võ Thị Ngọc Hoa, 1976, Phó Trưởng Khoa Khoa KHXH & NV	GVC, 2017	Ths, Việt Nam, 2006	Ngôn ngữ học so sánh	Tiếng Việt thực hành
8	Nguyễn Định, 1961, Phó Hiệu trưởng Phụ trách	GV	TS, Việt Nam, 2008	Văn hóa học	Cơ sở văn hóa Việt Nam
9	Nguyễn Thị Hạnh, 1970, Phó Trưởng Khoa Ngoại ngữ	GVC, 2011	Ths, Việt Nam, 2004	PPGD Tiếng Pháp	Tiếng Pháp 1, 2, 3
10	Lê Thị Kim Anh, 1987, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2013	Mạng và truyền thông	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản
11	Nguyễn Huy Vũ, 1985, Giảng viên	GVC, 2020	Ths, Việt Nam, 2013	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất 1
12	Nguyễn Quốc Trâm, 1983, Giảng viên	GVC, 2020	Cử nhân, Việt Nam	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất 2
13	Lê Đức Hiếu, 1979, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2011	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất 3
14	Nguyễn Minh Cường, Trưởng khoa Khoa GDTC&GDQP	GV	Ths, Việt Nam, 2011	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất 4



15	Trường Sĩ quan thông tin					Giáo dục quốc phòng – an ninh
16	Giảng viên Khoa Ngoại ngữ					Kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm Biên phiên dịch
17	Hoàng Lưu Bảo, 1971, Giám đốc Thư viện	GVC, 2011	Ths, Việt Nam, 2008	Ngôn ngữ Anh		- Ngữ nghĩa học - Ngôn ngữ học xã hội/NNH đối chiếu
19	Châu Văn Đôn, 1967, Phó Trưởng Khoa Ngoại ngữ	GVC, 2009	Ths, Việt Nam, 2008	LL&PPGD Tiếng Anh		- Kỹ năng phiên dịch - Biên phiên dịch Tiếng -Anh Hội nghị
20	Hồ Thị Việt Luận, 1970, Trưởng Bộ môn Tiếng Anh chuyên ngữ	GVC, 2011	Ths, Việt Nam, 2005	LL&PPGD Tiếng Anh		- Nghe 1, 2
21	Hồng Ai Nga, 1970, Trưởng Bộ môn Tiếng Anh không chuyên ngữ	GVC, 2011	Ths, Việt Nam, 2006	Ngôn ngữ Anh		- Ngữ âm- âm vị học - Kỹ năng thuyết trình
22	Lê Thị Băng Tâm, 1973, Giảng viên	GVC, 2011	Ths, Việt Nam, 2006	Ngôn ngữ Anh		- Biên phiên dịch Tiếng Anh Văn hóa -Du lịch - Viết 1, 2
23	Võ Thị Kim Thoa, 1968, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2008	Ngôn ngữ Anh		- Lý thuyết & Kỹ thuật dịch - Kỹ năng biên dịch
24	Lê Thị Anh Phương, 1958, Giảng viên	GV	TS, Australia, 2008	Education (TESOL)		-Văn học Mỹ - Phương pháp nghiên cứu khoa học
25	Phạm Như Quỳnh, 1988, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2015	LL&PPGD Tiếng Anh		- Nói 1,2 - Văn hóa các nước nói Tiếng Anh
26	Hoàng Liên Hương, 1990, Giảng viên	GV	Ths, Úc, 2015	LL&PPGD Tiếng Anh		- Ngữ pháp 1, 2 - Đọc 1
27	Nguyễn Như Ý, 1988, Viên chức Phòng TCCB	GV	Ths, Việt Nam, 2016	Ngôn ngữ Anh		-Nghe 3 -Viết 3
28	Trần Lê Anh Thư, 1993, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2018	Ngôn ngữ Anh		- Luyện âm - Đọc 2, 3

### 12.2. Đội ngũ giảng viên thỉnh giảng

STT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần dự kiến đảm nhiệm
1	Trần Văn Phước, 1955	PGS, 2006 GVCC	TS, Úc, 2001	Linguistics	- Cú pháp học/Từ vựng học - Giao thoa văn hóa
2	Tôn Nữ Mỹ Nhật, 1970, Giảng viên Khoa Ngoại Ngữ, Trường Đại học Quy Nhơn	PGS, 2010	TS, Việt Nam, 2006	Lý Luận Ngôn Ngữ Anh	- Phân tích diễn ngôn - Ngữ dụng học
3	Dương Thị Lệ Thủy, 1967, nguyên GV Trường ĐH Phú Yên	GVC, 2006	Ths, Việt Nam, 2005	LL&PPGD Tiếng Anh	-Tiếng Anh tổng hợp C1 -Từ vựng học
4	Tôn Nữ Phương Thảo, 1964, nguyên GV Trường ĐH Phú Yên	GVC, 2006	Ths, Australia, 2003	Education (TESOL)	- Đất nước học Anh - Kỹ năng PV vị trí Biên phiên dịch
5	Đặng Ngọc Hiếu, 1956, nguyên GV Trường ĐH Ngoại Ngữ Huế	GV	Th.S, Úc, 1998	Education (TEFL)	- Biên phiên dịch Tiếng Anh Thương mại - Biên phiên dịch Tiếng Anh báo chí
6	Hà Văn Sinh, 1957, nguyên GV Trường ĐH Phú Yên	GV	T.S, Úc, 2003	Education (Language Teacher Education)	-Kỹ năng phỏng vấn các vị trí biên phiên dịch - Biên phiên dịch Tiếng Anh Thực phẩm
7	Nguyễn Thị Xuân Duyên, 1971, nguyên GV Trường ĐH Phú Yên	GVC, 2011	Ths, Việt Nam, 2007	Ngôn ngữ Anh	- Biên phiên dịch Tiếng Anh chăm sóc khách hàng /Giao tiếp xã hội

### 13. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

#### 13.1. Các phòng thí nghiệm và các hệ thống thiết bị thí nghiệm quan trọng:

- Các phòng học có diện tích, trang bị bảng đen viết phấn, bàn ghế và ánh sáng đúng qui chuẩn đại học;
- Các phòng học có trang bị các các phương tiện dạy học: quạt trần, máy chiếu, màn hình, Tivi, loa, micro, wifi;
- 1 phòng đặc thù để rèn luyện kỹ năng thực hành tiếng và kỹ năng biên phiên dịch Tiếng Anh;
- 2 phòng máy tính để dạy học các học phần Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản.

#### 13.2. Thư viện:

- Tổng diện tích thư viện: 1236 m<sup>2</sup>, trong đó diện tích phòng đọc: 512 m<sup>2</sup>.
- Số chỗ ngồi: 200; Số máy tính phục vụ tra cứu: 15.



- Phần mềm quản lý thư viện: Phần mềm quản lý tích hợp Libol 5.5.
- Thư viện điện tử: đã kết nối được với thư viện điện tử của một số trường đại học trong nước.

### 13.3. Danh mục giáo trình, tài liệu chính của ngành đào tạo

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm XB	Số bản	Sử dụng cho môn học/học phần
1	Giáo trình Triết học Mác – Lênin	Bộ Giáo dục & Đào tạo	Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội	2019		Triết học Mác - Lênin
2	Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Bộ Giáo dục & Đào tạo	Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội	2019		Kinh tế chính trị Mác - Lênin
3	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bộ Giáo dục & Đào tạo	Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội	2019		Chủ nghĩa xã hội khoa học
4	Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục & Đào tạo	Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội	2019		Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
5	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ Giáo dục & Đào tạo	Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội	2019		Tư tưởng Hồ Chí Minh
6	Giáo trình Pháp luật đại cương	Bộ Giáo dục & Đào tạo	Đại học Sư phạm	2015		Pháp luật đại cương
7	Khởi nghiệp kinh doanh	Lưu Đan Thọ & các tác giả	Tài chính	2012		Khởi nghiệp
8	Tiếng Việt thực hành	Bùi Minh Toán – Nguyễn Quang Ninh	Đại học sư phạm	2003		Tiếng Việt thực hành
9	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Trần Ngọc Thêm	Giáo dục Hà Nội	1999		Cơ sở văn hóa Việt Nam
10	Giáo trình tin học đại cương	Nhóm tác giả trường Đại học Kinh tế TP. HCM	Lao động - Xã hội	2012		Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản
11	Le Nouveau Taxi! 1 &2	Guy Capelle et Robert Menand,	Hachette Livre, Paris	2009		Tiếng Pháp 1,2,3
12	Giáo trình Thẻ đục	Trương Anh Tuấn	ĐHSP	2004		Thẻ đục
13	Giáo trình Điền kinh	Nguyễn Kim Minh	ĐHSP Hà Nội	2004		Điền kinh
14	Sách Giáo trình Cầu lông	Nguyễn Trọng Hải Đào Chí Thành	ĐHSP	2004		Cầu lông 1,2
15	Giáo trình Bóng chuyền	Nguyễn Việt Minh	ĐHSP	2003		Bóng chuyền 1,2
16	Bóng đá: Giáo trình CĐSP	TS Phạm Quang	ĐHSP	2003		Bóng đá 1,2
17	Giáo trình GDQP- AN dùng cho các	Bộ Giáo dục & Đào tạo	Giáo Dục	2012		Giáo dục quốc phòng

	trường CD- ĐH					
18	Work on your accent (Clearer pronunciation for better communication)	Collins	TH Tp. HCM	2013		Luyện âm
19	An Introduction to English Phonetics and Phonology	Trần Văn Phước & Nguyễn Thanh Bình	Hue University Publishing House	2014		Ngữ âm-Âm vị học
20	Destination B2 Grammar and Vocabulary	Malcom Mann & Steve Taylore-Knowles	Macmillan	2012		Ngữ pháp 1,2
21	Ngữ nghĩa học Tiếng Anh English Semantics	Tô Minh Thanh	ĐH KHXHNV Tp HCM	2010		Ngữ nghĩa học
22	An Outline of Syntax	Nguyễn Hòa Lạc	TPHCM	1995		Cú pháp học
23	An introduction to modern English lexicology	Đoàn Minh	Hà Nội	2001		Từ vựng học
24	An Introduction to Sociolinguistics,	Janet Holmes	Routledge	2013		Ngôn ngữ xã hội học
25	Giáo trình Ngôn ngữ học đối chiếu	Lê Thị Thanh Ngà	Lưu hành nội bộ	2014		Ngôn ngữ học đối chiếu
26	Pragmatics	George Yule	OUP	1996		Ngữ dụng học
27	Introducing Discourse Analysis	David Nunan	Penguin English	1993		Phân tích diễn ngôn
28	Intercultural Business Communication	Gibson, R.	New York: Oxford.	2002		Giao thoa văn hóa
29	English-Speaking Countries' Cultures, Internal Circular	Ton Nu Phuong Thao	Lưu hành nội bộ	2015		Văn hóa các nước nói Tiếng Anh
30	Britain-The Country and Its People: An Introduction for Learners of English	James O'Driscoll	Oxford University Press	1997		Đất nước học Anh
31	The American Ways. An Introduction to American Culture	Datesman. Leslie K.; Crandall, JoAnn & Kearny Edward N.	New Jersey: Prentice Hall Regents	1997		Đất nước học Mỹ
32	American Literature	The U.S. Department of State	Global Publishing Solutions	2012		Văn học Mỹ
33	British Literature	Gloria M.H & S. Waller & D. Bill.	Addition Wesley Educational Publishers Inc.	2001		Văn học Anh
34	Tactics for Listening -Developing-Third Edition.	Jack C. Richards	OUP	2010		Nghe 1
35	Tactics for Listening –Expanding-Third Edition	Jack C. Richards	OUP	2010		Nghe 2



36	Collins English For Life-Listening B2+ Intermediate	Ian Badger	Tổng hợp Tp. HCM	2013		Nghe 3
37	SPEAK NOW 2-Communicate with Confidence	Jack C. Richards & David Bohlke	OUP	2012		Nói 1
38	SPEAK NOW 3- Communicate with Confidence	Jack C. Richards & David Bohlke	OUP	2012		Nói 2
39	Speaking B2 – Upper Intermediate, Collins English for life.	Nicola Prentis	Tổng hợp Tp. HCM	2014		Nói 3
40	Inside Reading Intro	Arline Burgmeier	OUP	2012		Đọc 1
41	Active Skill for Reading 1	Anderson, Neil J.	Thomson Heinle	2013		Đọc 2
42	Active Skill for Reading 2	Anderson, Neil J.	Thomson Heinle	2013		Đọc 3
43	Paragraph Writing – From Sentence to Paragraph	Dorothy E Zemach & Carlos Islam	MacMillan	2007		Viết 1,2
44	Academic Writing from Paragraph to essay	Dorothy E Zemach & Lisa A	Dong Nai	2006		Viết 3
45	Life Advanced Student's book	Paul Dummett; John Hughes; Helen Stephenson	Cengage Learning	2016		Tiếng Anh Tổng hợp C1.1
46	Approaches to Translation	Peter Newmark	Fergamon Institute of English, Oxford.	1981		Lý thuyết dịch
47	About Translation	Peter Newmark	University of Surrey Centre for Translation and Language Studies	1991		Kỹ thuật dịch
48	Advanced English for Translation	Dennis Chamberlin and Gillian White	Cambridge University Press, UK.	1987		Kỹ năng Biên dịch
49	Chương trình đào tạo phiên dịch Tiếng Anh chuyên nghiệp		TT học Liệu – Đại Học Huế.			Kỹ năng Phiên dịch
50	Presenting in English, How To Give Successful Presentations	Powell, M	Thomson Heinle	2002		Kỹ năng thuyết trình
51	English for The Travel and Tourism Industry	Leo Jones	CUP	2009		Biên phiên dịch Tiếng Anh Dịch vụ du lịch và lữ hành

52	Tourism 1,2	Robin Walker	OUP	2009		Biên phiên dịch Tiếng Anh Văn hóa -Du lịch
53	English for Socializing	Sylee Gore	OUP	2009		Biên phiên dịch Tiếng Anh Giao tiếp xã hội
54	English for Customer Care	Sylee Gore	OUP	2009		Biên phiên dịch Tiếng Anh chăm sóc khách hàng
55	The language of Techno-Food Processing in English	GS.TS Nguyễn Thị Hiền -TS. Từ Việt Phú ThS. Lê Thị Lan Chi	NXB Lao động	2016		Biên phiên dịch Tiếng Anh Thực phẩm
56	English for Business Studies	Ian MacKenzie	CUP	2010		Biên phiên dịch Tiếng Anh Thương mại
57	English for Meetings	Kenneth Thomson	OUP	2007		Biên phiên dịch Tiếng Anh Hội nghị
58	English for Journalists	Wynford Hicks	Taylor & E Library, Routledge	2006		Biên phiên dịch Tiếng Anh Báo chí
59	English for Job Interview (e-book online)	TJ Taylor	www.Blog.tjtaylor.net			Kỹ năng phỏng vấn cho các vị trí biên phiên dịch
60	Social Research Methods:Qualitative and Quantitative Approaches,7 <sup>th</sup> edition, International edition	Neuman, W.L.	Pearson	2011		Phương pháp nghiên cứu khoa học

#### 13.4. Danh mục giáo trình, sách, tài liệu tham khảo của ngành đào tạo

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm XB	Số bản	Sử dụng cho môn học/học phần
1.	Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia	2016		Kinh tế chính trị Mác - Lênin
2.	Triết học	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia	1997		Triết học Mác - Lênin
3.	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Giáo dục và đào tạo	2006		Chủ nghĩa xã hội khoa học
4.	Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia	2006		Tư tưởng Hồ Chí Minh
5.	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia	2016		Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
6.	Pháp luật đại cương	Lê Minh Toàn	Chính trị quốc gia	2012		Pháp luật đại cương



7.	Cẩm nang kỹ thuật soạn thảo văn bản	Hoàng Giang	Lao động xã hội	2008	Tiếng Việt thực hành
8.	Góp phần nghiên cứu văn hoá Việt Nam, tập I, Tái bản.	Nguyễn Văn Huyền	Khoa học xã hội, Hà Nội	1995	Cơ sở văn hóa Việt Nam
9.	Khởi nghiệp kinh doanh	Lưu Đan Thọ & các tác giả	Tài chính	2012	Khởi nghiệp
10.	Giáo trình lý thuyết và thực hành tin học văn phòng	Hoàng Đức Hải và Nguyễn Đình Tê	LĐ-XH	2006	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản
11.	Campus 1 & 2	Jacky Girardet & Jacques Técheur	CLE International, Paris	2006	Tiếng Pháp 1,2,3
12.	Giáo trình thể dục	Vũ Thanh Sơn	Đại học Sư Phạm.	2003	Thể dục
13.	Huấn luyện kỹ - chiến thuật Cầu lông hiện đại	Nguyễn Hạc Thúy	TDTT	2001	Cầu lông 1,2
14.	Luật Bóng bàn		Liên Đoàn Bóng bàn Việt Nam	2006	Bóng bàn 1,2
15.	Bước đầu tìm hiểu Võ học Việt Nam		TDTT Hà Nội	2006	Võ cổ truyền Việt Nam 1, 2
16.	Luật Điền kinh		TDTT	1997	Điền kinh
17.	Luật bóng đá		TDTT	2007	Bóng đá
18.	Học viện kỹ thuật quân sự			01	Giáo dục quốc phòng
19.	The craft of Research (3 <sup>rd</sup> Edition)	Booth, W.C.	Chicago University Press	2008	Phương pháp nghiên cứu khoa học
20.	Ship or Sheep, 3 <sup>rd</sup> Edition,	Ann Baker	CUP	2007	Luyện âm
21.	English Phonetics and Phonology	Peter Roach	CUP	1991	Ngữ âm-Âm vị học
22.	Grammar for FCE – Self-study Grammar Reference and Practice,	Hashemi L. & Thomas B.	Đồng Nai	2008	Ngữ pháp 1
23.	Grammar for IELTS – Self-study Grammar Reference and Practice	Hashemi L. & Thomas B.	Đồng Nai	2008	Ngữ pháp 2
24.	About Translation	Peter Newmark	Centre for Translation and Language Studies, University of Surrey	1991	-Lý thuyết dịch -Kỹ thuật dịch

25.	A Practical Guide for Translators	Geoffrey Samuel son Brown	The Longdunn Press, Bristol.	1993	-Kỹ năng biên dịch -Kỹ năng phiên dịch
26.	Deliver better presentations, student learning development	<a href="https://le.ac.uk/">https://le.ac.uk/</a>	University of Leicester	1989	Kỹ năng thuyết trình
27.	Semantics	Pragmatics James R. Hurford	CUP	2007	Ngữ nghĩa học
28.	English Syntax, A Grammar for English Language Professionals	Jacobs, Roderick A.	OUP	1995	Cú pháp học
29.	Basic English Lexicology	ĐHSPNN Hà Nội	ĐHSPNN	1999	Từ vựng học
30.	Introducing Sociolinguistics	Meyerhoff, Miriam	Taylor and Francis Group	2006	Ngôn Ngữ học xã hội
31.	Nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ	Lê Quang Thiêm	ĐHQGHN	2004	Ngôn ngữ học đối chiếu
32.	Pragmatics-A Reader	Steven David	OUP	1991	Ngữ dụng học
33.	Discourse Analysis, Varieties and Methods,	Jason Glynos, David Howarth, Aletta Norval, Ewen Speed	University of Essex	2009	Phân tích diễn ngôn
34.	Britain in Close-Up	McDowall, David	Pearson Education Ltd	2002	Đất nước học Anh
35.	American Ways. A Guide for Foreigners in the United States	Althen, Gary.	Intercultural Press	2003	Đất nước học Mỹ
36.	A History of English Literature	Alexandre, M	Palgrave Foundations, NY.	2000	Văn học Anh
37.	Literature and Ourselves	Gloria M.H., Waller, S. & Bill, D.	Addition Wesley Educational Publishers Inc.	2001	Văn học Mỹ
38.	Understanding Intercultural Communication.	Ting-Toomey, S., & Chung, L.C.	Los Angeles: Roxbury Publishing Company.	2005	Giao thoa văn hóa
39.	Ready for PET	Roy Norris	MacMillan	2010	Nghe, nói, Đọc , Viết 1
40.	Ready for FCE	Roy Norris	MacMillan	2010	Nghe, nói, Đọc , Viết 2,3



41.	Ready for CAE	Roy Norris	MacMillan	2010		Tiếng Anh Tổng hợp C1-1
42.	English for Travel and Entertainment	Thanh Mai	VHTT	2012		Biên phiên dịch Tiếng Anh Dịch vụ du lịch và lữ hành
43.	English for Hotel and Tourist Industry	Hoàng Nguyên	ĐHSP	2012		Biên phiên dịch Tiếng Anh Dịch vụ du lịch và lữ hành
44.	English for Careers Tourism I	Walker, R. & Harding, K.	Oxford University Press	2010		Biên phiên dịch Tiếng Anh Văn hóa -Du lịch
45.	English for Culture Centers	Vuong Hong	Hong Duc	2008		Biên phiên dịch Tiếng Anh Văn hóa -Du lịch
46.	English Course for Tourism	Nguyen Quang	ĐHSPTPHCM	2013		Biên phiên dịch Tiếng Anh Văn hóa -Du lịch
47.	English for Socializing	Hoàng Nguyên	ĐHSPTPHCM	2013		Biên phiên dịch Tiếng Anh Giao tiếp xã hội
48.	English for Socializing	Dubicka, I. & O'keeffe, M.	OUP	2009		Biên phiên dịch Tiếng Anh Giao tiếp xã hội
49.	English for Customer Care	Hoàng Nguyên	ĐHSPTPHCM	2009		Biên phiên dịch Tiếng Anh chăm sóc khách hàng
50.	English for Customer Care	Rosemary Richey	OUP	2008		Biên phiên dịch Tiếng Anh chăm sóc khách hàng
51.	English for Tourism	Ken McIntyre	Dili Institute of Technology	2013		Biên phiên dịch Tiếng Anh Dịch vụ du lịch và lữ hành
52.	Food and Beverage Service	Bharathiar University	Frontline Institute of Hotel Management Studies	2013		Biên phiên dịch Tiếng Anh Thực Phẩm
53.	English for Business	Hoàng Nguyên	ĐHSPTPHCM	2014		Biên phiên dịch Tiếng Anh Thương mại
54.	English for Meetings	Hoàng Nguyên	ĐHSPTPHCM	2013		Biên phiên dịch Tiếng Anh Hội nghị
55.	Journalism 2.0-How to Survive and Thrive	Mark Briggs	Online Journalism Blog	2012		Biên phiên dịch Tiếng Anh Báo chí
56.	English for Interviews	Hoàng Nguyên	ĐHSP. TPHCM	2013		Kỹ năng phỏng vấn cho các vị trí biên phiên dịch
57.	www. proz.com www. translatorscafe.com					Kỹ năng phỏng vấn cho các vị trí biên phiên dịch

#### 14. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Chương trình đào tạo này được áp dụng từ khóa tuyển sinh 2021 cho sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh.

##### 14.1. Thực hiện theo quy trình đào tạo hệ thống tín chỉ

###### a) Giảng viên

- Mỗi giảng viên giảng dạy các học phần Thực hành kỹ năng ngôn ngữ, Rèn luyện kỹ năng biên phiên dịch không quá 25-35 sinh viên/nhóm.

- Thứ tự giảng dạy các học phần cần thực hiện theo đúng trình tự như đã phân phối trong chương trình.

- Lựa chọn giáo trình và học liệu giảng dạy phù hợp để đảm bảo cho người học đạt được những chuẩn kiến thức nhất định ở từng giai đoạn.

- Vận dụng đa dạng các phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá phù hợp với phương thức đào tạo theo tín chỉ để đạt được mục tiêu đào tạo.

- Hướng dẫn người học tự học; phát huy tối đa năng lực, tính chủ động và sáng tạo của người học; kết hợp khai thác tối đa các tiện ích của công nghệ thông tin, Internet nhằm nâng cao hiệu quả dạy học.

- Linh hoạt thay đổi hình thức dạy học, kiểm tra, đánh giá trực tuyến trong bất kì điều kiện hoặc tình hình khó khăn nào.

- Tăng cường tổ chức hoạt động ngoại khoá, tham quan, thực tế để người học có cơ hội trải nghiệm và sử dụng linh hoạt Tiếng Anh.

###### b) Sinh viên:

- Tích cực học tập, tham dự các tiết học lý thuyết, chuẩn bị bài thực hành đầy đủ.

- Gắn kết lý thuyết và thực hành; tăng cường thực hành, thực tập và tham gia các hoạt động ngoại khoá của khoa, trường.

- Sinh viên thực hiện khóa luận tốt nghiệp theo quy định của nhà Trường.

##### 14.2. Định hướng phát triển năng lực sinh viên

- Định hướng sinh viên năng lực tự chủ và trách nhiệm theo Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

- Tập trung phát triển năng lực chuyên môn, năng lực nghề nghiệp, năng lực tự học, năng lực bồi dưỡng chuyên môn và học tập suốt đời.

- Gắn kết lý thuyết và thực hành; tăng cường thực hành, thực tập tại các cơ sở có sử dụng Tiếng Anh.

- Định hướng cho sinh viên tham gia hoạt động NCKH cấp khoa, cấp trường.

##### 14.3. Đảm bảo các điều kiện phục vụ đào tạo

- Phòng học, phòng thực hành: Phòng học các môn kỹ năng tiếng, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm phải được trang bị Projector, máy vi tính có kết nối Internet và loa.

- Thư viện, học liệu: cung cấp đủ tài liệu giảng dạy và tài liệu tham khảo chính cho từng học phần.

PTP PT. PHÒNG ĐÀO TẠO

P. TRƯỞNG KHOA PT

TS. Lê Thị Kim Loan

TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN

TS. Nguyễn Đình

TS. Châu Văn Đức